

Đặc San

VIÊN GIÁC



*Số 05
tháng 8, 1980*

CƠ QUAN NGÔN LUẬN, THÔNG TIN, LIÊN LẠC CỦA
SV và KB PHẬT TỬ VIỆT NAM tại C. H. L. B. ĐỨC.

LỜI ĐẦU

Vu Lan - Mùa Báo Hiếu một lần nữa lại về với người Phật Tử chúng ta trong bao cảnh thảng thâm của nhân thế! Đất nước ta trải qua biết bao nhiêu n ă m binh lửa, giờ này vẫn còn lặn ngụp trg cảnh khổ của chiến chinh. Đã có b i ết bao nhiêu người đã liả mất bà con thân thuộc trên đường vượt biển tìm tự do, hay đã bị thiêu đốt trong lửa của bạo tàn nguy khốc.... Biết nói thế nào cho hết chuyện, biết kể thế nào cho hết những khổ đau. Vì Đức Phật vẫn dạy rằng "nước mắt của chúng sanh tràn đầy hơn 4 bể của Đại Dương", nên nếu không biết hồi tâm hướng thiện, thì con người khổ đau cứ chồng chất và hận thù không bao giờ được giảm mà cứ tăng. Do đó ngày Vu Lan cũng là ngày để cho người con Phật tự hướng về nội tâm của mình và cũng để chung sức nguyện cầu cho những người đã mất được siêu sanh và người còn được an lạc. Có như thế mới thực hiện được hạnh nguyện tự lợi, lợi t ha của chư Phật.

Hiện tượng tử sanh

- PHẠM-KIM-KHÁNH -

Theo triết học Phật-Giáo (Vi-Điều-Pháp), 3 hiện-tượng có thể xuất-hiện cho con người thấy trong giai-đoạn hấp hối là Nghiệp (Kamma), Hiện Tượng Của Nghiệp (Kamma Nimitta), và Biểu Hiệu Lâm Chung (Gati Nimitta).

Kamma (Nghiệp) là vài hành-động tốt hay xấu trong đời sống hoặc ngay trước phút lâm chung, là tử-tướng tốt hay xấu. Nếu người hấp hối đã phạm một trong năm trọng tội (Garuka Kamma, ngũ nghịch trọng tội: giết mẹ, giết cha, giết một vị A-La-Han, làm tổn thương Đức Phật hay chia rẽ Tăng Chúng), hoặc người ấy tu thiện có kết-quả (Jhana), thì chúng nghiệp hiện tượng Kamma trước khi chết. Những hành động thiện hay ác đặc-biệt ấy có năng lực thật mạnh, chen vào, áp đảo tất cả các hành-động khác và biểu hiện thật rõ ràng trước mặt người hấp hối.

Nếu không có nghiệp nặng như vậy thì có thể tiến trình tử-tướng cuối cùng của người ấy do, nếu theo cái nghiệp vừa tạo, liền trước khi chết, gọi là Asanna Kamma, hay Cận Nghiệp. Cận Nghiệp là hạnh vi cuối cùng hay hạnh vi nào mà chấp tử-tướng cuối cùng nhờ đến, liền trước khi lâm chung.

Nếu không phải Cận Nghiệp thì có thể là Thượng Nghiệp (Acinna Kamma), hành-động tốt hay xấu thường ngày hay những việc mà ta thường nhớ đến và ưa thích hơn hết. Trong trường-hợp này, nếu người hấp hối là một bác-sĩ thì thấy đang săn sóc bệnh nhân, một tỳ-khưu thì thấy da ng

thuyết pháp, một tên trộm thì thấy dang cửa y của, khoét vách ...

Nếu ba trường-hợp trên không xảy ra thì Nghiệp, Tích Trú (Kattata Kamma) xuất-hiện. Nghiệp tích trú gồm tất cả những trường-hợp không có kể trong ba loại nghiệp trên, nhưng h ã nh động, tốt hay xấu, không quan-trọng.

HIỆN-TƯỚNG CỦA NGHIỆP (Kamma Nimitta) là những biểu tượng, xuất-hiện, trong tâm thức của người hấp hối dưới hình-thức sắc, thanh, hương vị, xúc hay pháp, tức là những hình sắc, tiếng động, mùi, vị hay tứ-tướng mạnh mẽ, quen thuộc trong nếp sinh-hoạt hằng ngày, tốt hay xấu, như người đồ tể thì thấy con dao hay con thú chết, bác-sĩ thì thấy bệnh nhân, người mộ đạo thì thấy các món lễ vật ...

BIỂU HIỆU LÂM CHUNG (Gati Nimitta) là vài dấu hiệu có liên quan đến cảnh giới mà người hấp hối sắp được tái sanh vào. Do đó một người sắp lâm chung thường lộ vẻ vui sướng hoặc đ a u khổ. Khi triệu chứng phát sanh, nếu là xấu thì ta có thể sửa chữa được kịp thời bằng cách giảng kinh, noi Pháp, g ẽ tạo, đối tượng tốt đẹp trong tứ-tướng người sắp chết. Những biểu hiệu lâm chung thường là lửa, rừng, vùng sơn cước, vú mẹ, thiên cung ...

Dấu trong trường-hợp bất đắc kỳ tử, tiến trình tứ-tướng của người sắp chết vẫn diễn tiến và đối-tượng của chấp tứ-tướng cuối cùng ấy là một trong ba hiện tượng: Nghiệp, Hiện-Tướng của Nghiệp và Biểu Hiệu Lâm Chung).

Thi-dụ một người sắp lâm chung và tái sanh vào cảnh người. Đối-tượng của chấp tứ-tướng cuối cùng là một vài hành-động (nghiệp) tốt. Tiến-trình tứ-tướng của người ấy diễn ra như sau: Luồng Bhavanga ngưng rung động trong hai

chấp rồi diệt. Liên khi ấy Ngũ Môn Hướng Tâm phát sanh rồi tắt. Kế đến một giai-đoạn t a m lý quan-trọng: Tiến-trình, Javana, lúc bình thường phát sanh liên tiếp trong bảy chấpnhưng trong tư-tướng cuối cùng, thì chỉ phát sanh trong năm chấp liên tiếp. Tiến trình này không có năng lực tái tạo mà chỉ có nhiệm-vụ điều h o a kiếp sống mới (Abhinavakarana). Trong trường hợp của người sắp tái sanh trở lại cảnh người, đối-tượng của luồng Javana cuối cùng là một nghiệp tốt, vậy là tâm thiên Đàng-Ky-Tâm (Tada-lambana Citta), có phần sự ghi nhận, có thể phát sanh mà cũng có thể không phát sanh. Đó là chấp tư-tướng tối hậu của kiếp sống h i ệ n tại.

Có người lầm tưởng rằng Tư Tâm (Cuti Citta) tạo điều-kiện để tái sanh. Thiết ra Tư-Tâm không có một nhiệm-vụ đặc-biệt nào. Chính tiến-trình Javana tạo điều-kiện cho sự tái sanh sắp đến.

Cái chết thật sự đến lúc Tư-Tâm tắt. Kế từ đó tâm và vật thực (Cittaja va Aharaja) không còn tạo năng lực vật chất nữa. Chỉ còn một loại năng lực vật chất phát sanh do hơi nóng (Utuja) tiếp tục tồn tại đến khi thể xác tan rã (2)

Lúc Tư-tâm vừa tắt thì Thức-Tái-Sanh phát hiện. Cũng một lúc cũng phát sanh "mười-thanh-phần của thân", "mười-thanh-phần của giống (nam hay nữ)" và "mười-thanh-phần của căn".

Như vậy, theo Phật-Giáo, tính chất nam hay nữ đã được quyết-dịnh ngay lúc thọ thai y a do Nghiệp tạo điều-kiện chứ không phải là một sự hòa hợp ngẫu nhiên của minh-châu và tinh-trùng.

Sự diệt tắt của tâm trong kiếp vừa qua là cơ-hội để cho một tâm mới phát sanh trong kiếp sống kế. Tuy nhiên, không có cái gì vĩnh cửu, nguyên vẹn, đơn thuần, không biến đổi, d u ở c chuyển từ quá-khứ sang hiện tại.

Cũng như bánh xe lăn tròn trên đường, mỗi một lúc chỉ có một điểm của bánh xe chạm với đường, nói một cách chính xác, chúng ta chỉ sống trong từng chập tú-tướng. Ta chỉ sống hiện-tại và hiện tại nhưt định phải trôi v a ỏ qua-khứ. Trong tiến trình luôn luôn biến đổi của đời sống, trong một-khoảnh khắc, mỗi chập tú-tướng, sanh, trụ, rồi diệt và trong khiđiết, chuyển tất cả năng lực và cảm giác đã ghi nhận cho chập tú-tướng kế. Vậy mỗi chập tú tướng mỗi gồm những năng lực tiềm tàng của chập trước và thêm vào đó chút gì khác. Đến lúc chết, chập tú-tướng cuối cùng chấm dứt, cũng như trongđời sống mỗi chập tú-tướng đều phải diệt, đếnhướng chỗ cho, chập tú-tướng kế phát sanh trong k iếp sống mới. Vậy, cái thức mới gồm chứa tất c a những kinh-nghiệm trong quá-khứ vì tất cảnhững cảm giác trong quá-khứ, đều được ghi nhận trong cái tâm biến đổi và tất cả tiềm năng đều được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác, mặc dầu vật chất tan rã. Vì lẽ ấy đời khi có người, c ỏ n nhờ được kiếp quá-khứ của mình. Nếu tri nhớ chỉ tùy thuộc khối não, tức nhiên không thể có người nhớ được tiền kiếp mình.

"Chúng sanh mỗi là sự biểu hiện hiện tại của luồng nghiệp, không giống hết cũng không giống nhất với chúng sanh trước kể đó. Như ấ ng thành phần (ngũ uẩn) tạo nên chúng sanh ấy không giống hết cũng không giống nhất với thành phần (ngũ uẩn) đã tạo nên chung sanh trước. Tuy nhiên, cũng không phải hoàn toàn là khác vì cả hai cũng nằm chung trong một luồng nghiệp mặc dầu biểu hiện dưới hình-thức mới, trong t h ế gian mà ngũ quan ta có thể thâu nhận và ta cho là có một chúng sanh mới" (3)

Theo Phật-Giáo, cái chết là sự chấm dứt của đời sống tâm vật-ly của một cá-nhân. Chết là sự diệt tất của bốn yếu-tố: Sinh lực (Ayu), đời sống tâm và vật-ly (Jivitindriya), hoidong (Usam) và thức (Vinnana). Chết không phải là

sự tiêu diệt hoàn toàn của một chúng sanh, mặc dù kiếp sống chấm dứt. Cái tiềm lực làm sống chúng sanh không bị tiêu diệt. Cũng như ánh sáng đèn điện là biểu hiện bề ngoài mà ta có thể thấy được của luồng điện vô hình, chúng ta là biểu hiện bề ngoài của luồng nghiệp vô hình. Bóng đèn có thể vỡ và ánh sáng có thể tắt nhưng luồng điện vẫn tồn tại và ánh sáng có thể phát hiện trở lại nếu ta đặt vào đó ả y một bóng đèn khác. Cũng thế ấy, sự tan rã của thể xác vẫn không xáo trộn luồng nghiệp lực và sự chấm dứt của thực hiện tại dẫn đến sự phát sinh của một thực mới. Tuy nhiên, không có gì trường tồn bất biến, như một thực thể dường thuận, "chuyên" tử hiện tại sang tướng lai.

Trong trường-hợp nêu trên, người chết tái sanh trở lại vào cảnh người, chấp tứ tự ở ng cuối cùng tức nhiên là một loại tâm thiện. Thực-tái-sanh từ tâm thiện ấy phát sanh từ tự nhiên chuyển đến hạt minh châu và tinh trung tướng-xứng trong cảnh người, và tất những cho những chấp Bhavanga nối tiếp.

Như thế, lúc chết, luồng nghiệp lực vẫn luôn luôn trôi chảy, không có một điểm thời gian gián đoạn. Ngay lúc chết những chấp tứ tướng vẫn liên tục kế tiếp như trong đời sống.

Hiện tượng tử sanh, chết và tái sanh diễn ra tức khắc, đau ở nơi não, cũng như làn sóng điện phát ra trong không gian được thấu t ừ c khác vào bộ máy thấu thanh. Luồng nghiệp lực trực-tiếp chuyển từ cái chết ngay đến tái sanh, không trải qua trạng-thái chuyển tiếp nào (Antarabhava). Phật-Giáo-thuần-tuy không c h ử trường có linh-hồn người chết tạm trú ở một nơi nào, chờ đợi khi tìm được một nơi thích hợp để đầu thai.

Trong kinh Milinda Panha đức vua Milinda hỏi Đại-Đức Nagasena:

"Kính bạch Đại-Đức, nếu có một người chết ở đây và tái sinh vào cảnh trời Phạm Thiên và một người khác cũng chết ở đây và tái sinh tại Kashmir, người nào sinh ra trước?"

-- Tàu Đại Vương, cả hai cũng sanh ra một lượt, Đại Vương sanh ở đâu?

- Kính bạch Đại-Đức, trong một làng gọi là Kalasi.

-- Làng Kalasi cách đây bao xa?

- Bạch Đại-Đức, lối 200 dặm.

-- Tàu Đại Vương, Kashmir cách đây bao xa?

- Bạch Đại-Đức lối 20 dặm.

-- Bấy giờ Đại Vương hãy nghĩ đến làng Kalasi.

- Bạch Đại-Đức, tôi đã nghĩ xong.

-- Và bấy giờ Đại Vương hãy nghĩ đến Kashmir.

- Bạch Đại-Đức, tôi đã nghĩ xong.

-- Trong khi nghĩ đến hai nơi, nơi nào tư tưởng của Đại Vương đến mau và nơi nào chậm?"

- Bạch Đại-Đức cả hai đều bằng nhau.

-- Vậy, tàu Đại Vương, cũng một thế ấy, người chết ở đây và tái sinh vào cảnh trời Phạm Thiên không chậm hơn người chết ở đây và tái sinh ở Kashmir.

- Kính bạch Đại-Đức, xin Ngài ban thêm cho một thí-dụ khác.

-- Tàu Đại Vương, nếu hai con chim đang bay trên trời và cả hai cùng đập một lúc.

Một con đập trên ngọn cây cao, còn con kia thì đập trên ngọn cây thấp. Đại Vương nghĩ thế nào, bóng của con nào rơi xuống đất trước?"

- Cả hai cái bóng đều rơi xuống đất cùng 1 lúc. Không có cái nào rơi trước, cái nào rơi sau. 5"

Ta tự hỏi: "Tìm đâu luôn luôn có minh châu và tinh-trung sẵn sàng để tiếp nhận Thức tái-sanh?"

Theo Phật-Giáo, số chúng sanh vô cùng tận, vô hạn định và nỗi trú ngụ của chúng sanh cũng vậy. Bao thai cũng không phải là nỗi duy nhất cho sự tái sanh. Quả địa cầu chỉ là một điểm nhỏ so với vũ-tru bao la, không phải là cả nh giới duy nhất có thể trú ngụ và con người cũng không phải là chúng sanh duy nhất. Vậy, tin rằng luôn luôn có một nơi thích ứng để tiếp nhận Thức-tái-sanh cũng không có gì quá đáng. Nếu ta tung lên trời một hòn gạch, hòn gạch sẽ rơi trở xuống và luôn luôn có một điểm nào trên mặt đất sẵn sàng tiếp nhận hòn gạch.

1. Quyển "The Tibetan Book of the Dead" của tác-giả Dr. W.T. Evans-Wents có trình-bày đầy đủ chi-tiết.

2. Theo Phật-Giáo, năng lực vật chất do 4 yếu tố tạo nên: a.- Nghiệp (Kamma) là hành động thiện hay bất thiện trong quá-khứ. b.- Utu - Sự biến đổi vật chất hay là Tejo (hội nóng) Thành-phần vật chất thường gọi là lửa (trong tứ đại) gồm cả nóng và lạnh. Lạnh là một hình thức nóng. c.- Citta - gồm Tâm Vương và Tâm Sở. d.- Ahara - Sức dinh-dưỡng trong vật thực.

3. Bhikkhu Silacara.

4. Bác-Sĩ Evans-Wents viết rằng theo kinh sách Tây-Tạng, có một trạng-thai chuyển tiếp từ cái chết đến lúc đầu thai, Linh hồn người chết phải ở trong trạng-thai ấy 1, 2, 3, 4, 5, 6 hay bảy tuần-lê, tức 49 ngày. Quan-niệm như vậy trái với giáo-ly của Đức Phật.

(Tiếp theo trang 43)

THIÊN HỌC

Đại lão Hòa-Thượng Thiên-Sư
YOSIOKA TOICHI soạn - nguyên
tác, "Zen".
Thích-Nhữ-Điện dịch từ Nhật
ra Việt ngữ.

§§

Con người sống trong xã-hội hiện tại hay mong muốn cái gì cũng giống như sự giáo-duc của sự hợp lý chủ-nghĩa, nghĩa là đầu cho nỗ lực ít nhưng phải có kết-quả. Do đó ta có thể nghe hỏi rằng: việc tọa thiền có công dụng như thế nào?

Sau thời kỳ hậu chiến (1945) các tôn giáo mới lại xuất-hiện nhiều. Đứng về phương diện tôn-giáo thì có nhiều kết-quả lợi ích, ví dụ như lễ bái dễ được lãnh binh... có thể nói rằng đó là thuộc về quan-niệm tôn-giáo nguyên thủy.

Thế nhưng sự ngồi thiền ở đây tôi (tác giả) không cho là một loại thuốc hay.

DOGEN (Đạo nguyên) Thiền sư đã từ Trung Quốc về (Nhật) đến Kyoto mở chùa Huệ Thánh Tự. Tại Trung-Quốc Ngài đã học về Phật-Giáo hiệ n thời. Nhưng nếu có hỏi Ngài đã tu được gì thì Ngài trả lời rằng: "Được thấy mặt ngang, mũi thẳng và trở về quê bằng hai tay không." Dưới

triều Nhà Tống năm thứ 5, Ngài phát hiện ra chuyện mắt năm ngang, mũi ngay thì đầu có khác gì chuyện ngày nay như người ta biết. - Vậy thì Ngài chẳng tu học được cái gì, về nước bẻ hai tay không sao?

Thiền không thể nói như một món hàng bán ngoài quán được. Nếu cứ hỏi chuyện lợi ích của Thiền hoặc giả về ra mục-dịch chẳng hạn thì người đó không thể nào tiếp-xúc được với bản chất của Thiền mà cứ đứng quanh quẩn ngoài ngõ Thiền.

Ngài Đạo Nguyên đã cho biết rằng: "Hãy bỏ danh-lợi và lấy đạo tâm". Nếu muốn thanh con, người tiếng tam hoặc đi tìm sự lợi ích cho chính mình thì Thiền là một giới luật nghiêm khắc không được vào cửa ngõ của Thiền vậy.

Nói vậy nhưng ngôi Thiền không phải là không có hiệu quả. Thế nhưng không phải vì cái hiệu quả ấy mới ngồi Thiền. Trong lúc ngồi Thiền cái tự tánh hiển-hiện ra, nó khác với cái hiệu quả trên. Ngồi một chút là thanh Phật một chút. Ngồi một thước là được dạy cho một thước thanh Phật. Điều này được hiểu là: nếu có ngồi thì Phật tánh mới hiện lộ.

Người tu Thiền chơn chính được gọi là ngôi Thiền "vô số đặc" lại nữa, đó cũng gọi là "Bốn chúng điều tu" của sự tọa Thiền.

Ngoài ra, đó không phải là sự định, ước mục-dịch cho sự tu Thiền mà trong đó phải biết được cái "bản lai diện mục" là được đi vào Thiền vậy.

- Ngôi Thiền thì phải ngồi cho đúng cách. Điều chỉnh hơi thở cho điều đặn. Thực hành đúng như vậy thì tứ chỗ hoạt-động không bình, thường của mũi, ruột, khí quản... ở vị trí

không an định, trở thành điều họa. Ở trong một thời-gian nhất định, sau khi đã thực hành đúng nguyên-tắc thì tất cả các cơ năng vận động hợp lý. Người ta thường nói con người không ăn 2 tháng không sao, nhưng nếu không thở chừng năm phút thì sẽ bị chết. Khi nội tạng được n a m trong một-vị-tri điều chỉnh đúng đắn thì máu lưu thông đều đặn và các tế bào của cơ-thể, sinh hoạt bình thường. Điều đó có thể duy trì sức khỏe của con người có hiệu quả.

Nếu thân thể được tráng kiện, tinh thần an định thì tự nhiên sự phiền não tiêu van. Ngoài cảnh không thể phá rớt được và các lực bên trong tăng trưởng thuận chiều. Thậm, sân, bi, m a t. Từng ngày, từng khắc có thể sống một cách bình thường.

Thế nhưng, toạ Thiên không phải là 1 phương pháp làm cho thân thể khỏe mạnh mà cũng chẳng phải toạ Thiên để được sống lâu. Ngải Đ a o Nguyên, 54 tuổi, đã quý tịch. Ngải tổ của Thiên Lâm-Tê (Bach-An 1685-1768) sống tới 83 tuổi.

Nhưng kẻ toạ Thiên cũng không thể nghĩ rằng việc sống lâu là sai sự thật. Sống lâu tr ăm tuổi thành hạn với đời. Nếu trong một ngày không làm được việc gì thì sống trăm tuổi cũng chẳng lợi gì. Trăm tuổi đối với sự sống của thanh nhân là trở thành tự do vậy. Đó không phải là vấn đề tính toán của toán học mà là vấn-đề sống cho có phương-pháp trong một ngày, một khắc.

Tôi (tác-giã) đã gần 30 lần thăm viếng Việt Nam trong lúc chiến-tranh. Phật-Giáo Việt-Nam và Phật-Giáo Nhật-Bản đã nỗ lực trong việc giao thiệp với nhau. Có một lúc nỗ trước mặt t ố i cả một việc nguy hiểm đã xảy đến, nhưng tr ong thân tâm tôi chưa bao giờ nghĩ chuyện nguy hiểm là gì.

Ngẫu nhiên vào năm Showa thứ 48 (1973) ngày

mã hiệp-định Ba-Lê được ký kết 27.1.73 về sự hòa-bình của Việt-Nam, tôi đã dùng máy bay Cathay Pacific bay đến Việt-Nam và ở tại nhà của một vị tỉnh trưởng tại thành-phố mi ến n Trung VN. Phú-Bồng.

Khoảng 10g trưa mọi người có liên qua n trọng tỉnh đường, đều sẵn sàng ứng tiếp. Trong lúc mọi người gặp gỡ nhau thì đột nhiên, ở phía sau dinh tỉnh trưởng khoảng 30m, các tiếng đại, bạc nổ rầm trời. Tiếng súng nổ làm cho g h é cũng bay tung lên được.

Sau khi hỏi kỹ thì được biết rằng cách đó 5Km có một toán đặc-công Việt-Cộng xuất hiện khoảng 400 người và vì lý-do đó nên lệnh mỗi nổ súng. Ở xa xa mỗi lúc lại nghe tiếng pháo nổ, mọi người gương mặt đều, dốt dạt, trải dài một thời gian kinh dị. Thế những đối với tôi lúc đó chả có gì xảy ra ca.

Tỉnh trưởng nói: "Hòa-Thường người Nhật coi bộ không sợ hả?" Thế, nhưng trong tôi khê phải là không sợ nguy-hiêm đó, mà tôi là người trở lại sự hơ-hấp bình thường trước mọi người, nên xem tôi có vẻ bình-tĩnh như vậy.

NGÔI THIÊN LÀ MỘT PHƯƠNG-PHÁP AN LẠC:

"Toạ Thiên không phải là tập Thiên, tuy cái này trở thành một pháp môn an lạc". Điều này ở trong "Phổ khuyến tọa thiên nghi" đã thuyết như vậy. Ngôi Thiên không phải là sự, v u i thích mà cũng chẳng phải là vi tri thuật. Ngôi Thiên được gọi là làm cho rỗi xa việc khổ não và trụ vào trong một thế-giới an lạc, gọi là Thiên.

Sau đây tôi xin nhắc đến cảm-tưởng củ a những người nhân-viên tuổi 20, ngôi Thiên tại đạo tràng của tôi.

"Ngủ dậy lúc 5g. Giở nây là giờ bao giờ cũng buồn ngủ. Sau đó rửa mặt đi lên Thiền đường. Đây là ngày ngồi Thiền thứ 2 nên hôm nay ngồi Thiền với phương-pháp vô ngôn (không lời nói) như hôm qua đã được học hỏi. Lúc ngồi thật ngay ngắn. Buổi sáng ở Thiền đường người ta có thể thở hít không khí tốt thật là sung sướng. Xa xa nghe tiếng chim kêu vì ở ngoài...". (Lời của một thiếu nữ).

"Chính việc làm của mình không phải dong dỏng khác chi, bảo mà chính mình phải cảm nhận cái không-khí thoải mái tự-nhiên ấy để thăng tiến". (Lời của một thanh-niên).

"Tôi đã nói công việc ngồi Thiền cho cha mẹ của tôi nghe. Sau khi đi ngồi Thiền về, không biết có phải là tôi đã bị ám ảnh bởi những lời thuyết-pháp không nữa nhưng tự nhiên thấy khó có thể giải-thích rằng mọi công chuyện tôi đều làm xong một cách có thú tự vui vẻ. Điều lợi ích này tôi mong muốn luôn được giữ mãi". (Lời của một thanh-niên).

Điều này cho thấy rằng mỗi người ngồi Thiền có mỗi kết quả khác nhau. Ngồi Thiền không phải chỉ một phương diện mà Thiền sẽ thuận ứng tùy theo thể chất và nhiều phương-diện của từng cá-nhân một. Thế nhưng nói chung lại thì quả sự thể nghiệm của việc ngồi Thiền có thể nói rằng "trở về với giác-ngộ bản thân" và ý. Điều này có thể gọi là kết-quả của một pháp môn an-lạc.

Ngài Đạo Nguyên đã nói: "Người học Phật đạo là kẻ học tu chính mình. Học tu chính mình là điều hòa ở chính mình. Điều hòa ở chính mình là chứng đắc vạn pháp. Chứng đắc vạn pháp là chính tự thân tâm của ta và thân tâm của kẻ khác được giải-thoát vậy". (Chánh pháp nhãn tạng, hiện thành công án).

Ngài Đạo Nguyên đã nói việc học Phật đạo là tọa Thiền. Nếu mà tọa Thiền thì chính mình va tha nhận, nhân-loại được liã khỏi sự chấp trước mà đạt được sự giác-ngộ chân thật. Điều đó được gọi là một chân lý Đại tự-nhiên vậy.

- Đạo này khi đem đến khi trở nòng nực nhiều người ngủ không được. Lúc muốn ngủ mà không có thể ngủ được, chã phải là điều hạnh-phúc. Nếu càng tinh-tân ngộ Thiền thì chuyện khó ngủ kia trở thành một pháp môn an lạc vậy.

Tại sao mà lại khó ngủ? Tại vì trong quá khứ đã có bao nhiêu chuyện, đồn dập, cứ nghĩ đến chuyện này chuyện kia, thất bại, thành-công... rồi sinh ra mất ngủ.

Một điều nữa, là như trước đã trình-bay từ cái lòng mong muốn không được đáp ứng cũng sinh ra khó ngủ. Khi mà còn lo nghĩ nhiều như vậy thì trung khu não bộ phải làm việc nhiều và sinh ra khó ngủ. "Đại-Huệ thọ" còn gọi là "Thiên tịch" đã thuật lại những chuyện như dưới đây.

Đại-Huệ (1089-1163) Thiên Tăng đời nhà Tống đã viết rằng: "Việc trong quá-khứ không thể nghĩ lường được hoặc là xấu, hoặc là tốt, và nữa "cái việc của tương-lai cũng không thể đo lường được". Không phải vì cái việc xấu trọng quá-khứ mà phải viết lại, cũng chã phải cái việc thiện mà không làm bổn-phận, ngoài ra cũng đừng nên phân biệt tương-lai là phải làm như thế này hoặc thế nọ..

Nếu mà như vậy thì phải theo thế nào mới tốt được? Đại-Huệ suy nghĩ như sau: "Đầu cho cho bất cứ trường-hợp nào, công việc tốt hay xấu nếu mà quên nhất tâm niệm thì thời gian đi qua, nhân duyên lạc-mất, như vậy cái lý của sự tự nhiên không thuận ứng được.

Đây là cảnh địa của "Thiền Định tam muội" vậy. Lúc muốn ngủ thì ngủ, muốn thức thì thức.

Take-mura Yoshimigi Về môn là người n ộ 1 danh về giàu có mà cũng là một hành giả của đạo Thiền. Ông ta trong lúc làm việc tại ngân hàng Yasuda đã xảy ra 226 vụ kiện. Giữa đường gặp lúc đã nan thầy chuyện trước mắt không th ảnh, nhiều chuyện không tốt đã xảy ra liên tiếp nên ông muốn kiếm môn an lót dạ, đã cảm quyền sách Thiền đi vào trong núi.

Ba đêm đầu tiên, trong đầu óc ông ta đ ả hiện ra nhiều thứ nhưng đến năm đêm rồi dần dần không còn sức lực nữa để suy nghĩ, thân t ả m cũng mệt lả đi, lúc đi được 6,7 dặm thì nhưng bước chân đi không còn ý thức nữa. Quay t r ở lại nhà, đi tầm một chút rồi đi ngủ, sáng hôm sau thức dậy trở nên để chịu là thưởng. Đê kết luận cho việc này người ta thuật lại là m o t phương-pháp đúng nhất.

LỊCH-SỬ THIÊN:

Thiền là một phương-pháp tự hạnh được phát xuất từ Ấn-Độ. Nếu nhìn văn-hoa Tây-Phương thì không có thí dụ nào để nói cả.

Thiền tiếng Pali gọi là Jhāna. Cũng vì chữ mầu nên cuối cùng được tinh lược thành Jhan, nên chữ Hán viết là Thiền nhưng đọc là ch'an. Lúc Đức Thích-Ca thuyết-pháp bằng tiếng b ả i nh dân của người Ấn-Độ dùng lúc bấy giờ, ấy là tiếng Pali. Thế nhưng vào thời cổ đại của xứ Ấn-Độ, vì sự phân chia của tôn-giáo nên tiếng Sankrit (Phạn ngữ) được dùng đến nhiều nên Đức Thích-Ca cũng đã thuyết bằng tiếng Sankrit. Thiền được gọi là Dhyana. Đây là hợp chung nói dung từ-tượng của tôn giáo vậy. Tiếng Trung Hoa dịch là "Tự tánh tu" hoặc là "Tĩnh Lự".

Chủ Thiên được có từ lâu đời trong văn hóa của Ấn-Đô và do thuộc về kỹ-lục của văn h i ến. Thế nhưng việc ngôi Thiên thuộc tiên thuộc về tôn-giáo, đó là Đức Thích Tôa vậy. Trong những chùa thuộc về Thiên Tông thường thờ 7 Đức Phật trong thời quá-khứ trước Đức Thích-Ca và mỗi buổi sáng thường đọc kinh, phụng trì, báo ấn. Điều này không phải là ý kiến của Thế-Tôn. Mà sau khi Thế-Tôn tịch diệt chuyện này mới xảy ra và văn hóa cổ đại của Ấn-Đô bị ảnh-hưởng việc trên như là một chuyện cổ-tích.

Sau khi Thế-Tôn tịch diệt, Phật-Giáo Ấn-Đô đã bao phen hưng thịnh, suy vong. Trong những người tu Thiên, có kẻ lìa đời sống bình thường đi vào trong núi lập chùa để tu, xa rời đời sống hiện thật tạo thành những nhóm đệ-tử thiên. Đây được gọi là phái Thiên tiêu cực và để phản-đối, khuynh-hướng này: Thiên là vị tha nh ậ n chứ không vì tử kỳ nên phải tịch-cực đại chung hóa được dẫn sánh. Nhóm sau này về đời hậu lai cũng còn gọi là Đại Thừa Phật-Giáo vậy.

Cũng từ sự lưu chuyển này mà Bồ-Đề-Đạt-Ma (?-528) đã mang Thiên truyền sang Trung Quốc. Trước Bồ-Đề-Đạt-Ma là thời kỳ Hậu Hán (25-220) ở tại Trung-Hoa Thiên cũng đã được truyền sang những lam hiên lộ chân lý Thiên, thực tu, thực chứng về Thiên thì phải kể bắt đầu từ Bồ-Đề-Đạt-Ma. Kết quả là Thiên được phát sinh từ Ấn-Đô được truyền bá rộng rãi sang Trung-Hoa và Thiên được truyền sang Nhật Bản là Thiên của Trung Quốc chứ không còn phong vị Thiên của Ấn-Đô nữa.

Thiên của Trung-Quốc từ Bồ-Đề-Đạt-Ma đến ngũ tổ Hoàng-Nhan (601-674) thì Thiên được phân chia giao đoạn. Những người tin theo cũng tăng nhanh, trước đây những người tu hạnh trong núi non bây giờ cũng xuất-hiện nơi thị tứ và đã trực-tiếp giáo hóa nhân dân như một việc l ậ m tịch-cực.

Đạt-Ma đến Trung-Hoa chừng khoảng 200 năm sau, thì Huệ-Năng (638-713) và Thần-Tử (606-706) xuất-hiện. Huệ-Năng chủ trương顿 tu và ở phía nam Trung-Quốc. Thần-Tử thì chủ trương tiệm ngộ và ở Bắc phương Trung Quốc. Tử ở lãnh-vực truyền đạo rộng rãi. Thiên đầu tiên chia ra làm hai Tông Nam Bắc, giáo lý cũng phân hóa và người bình-dân càng ngày càng theo và tin theo Thiên nhiều hơn.

Thuyết Bắc Tông của Thần Tử chừng mấy đời sau thì bị mất, và Thiên của Huệ-Năng càng ngày càng tăng trưởng nhưng nếu nói theo hệ thống thì Ma-Tô của Hồng Châu Tông, Thần-Hội của Hạ Trạch-Tông. Dược-Sơn và Thạch-Đầu của Dược-Sơn Tông là những sứ bắt đầu. Cũng đã có chia ra làm nhiều phái nhỏ nhưng đối với địa-phương rộng lớn như Trung-Hoa thì không có gì đáng nói.

Trong lúc này vào thời mạt kỳ của nhà Đường thì Hoài-Nhuông (677-744) là thuộc về Thiên Lâm-Tê. Quý-Nguồng của 2 Tông từ Thanh Nguyên (?-740) Táo Đông, Vân-Môn, Pháp Nhân ba Tông được dẫn sanh. Ngoài Lâm-Tê Tông ra, Hoảng Long, Dưỡng-Kì hai phái được chia ra. Sau nhà Tống thì xưng Thiên theo hệ-thống "ngũ giathất tông" (năm nhà bảy nhánh). Thiên được truyền sang Nhật-Bản là thuộc vào trong lịch-sử đó.

SỰ THĂNG TIẾN CỦA THIÊN NHẬT-BẢN:

Thiên Nhật-Bản được truyền từ Trung Quốc qua truyền Tây-Du-Ky với danh tiếng của Đường Tam Tang đã dạy cho Đạo Chiêu (629-700). Đạo Chiêu đã dựng chùa Nguyên-Hung và đã dựng nên Thiên đường tại đó.

Đạo Tuyên (702-760) là tăng đời nhà Đường đã đến Nhật-Bản năm Thiên-Bình thứ 8 (730) Thiên Sự là người được truyền thừa thiên phương Bắc của Thần Tử.

Vào số kỷ thời Heian, Tói-Đặng sáng lập Thiên-Thai Tông (767-822). Thiên Ngẫu Đâu cũng được truyền sang từ Trung-Hoa. Thiên được gọi là hiện giao vị cả sự lẫn lý đều sáng tỏ để đối chiếu với thần chúa là giao-ly của Mật giáo, nhưng Thiên-Thai Tông của Trung-Quốc cũng ngôi Thiên. Trong lúc ngôi Thiên cũng đã quan pháp thật tướng.

Sau Tói-Đặng là Viên-Nhơn (794-864) và Viên-Trần (814-891)... cũng sang học Thiên tại Trung-Quốc đã mang thiên tích và thiên pháp về truyền cho Nhật-Bản. Hiện tại Thiên Thai Tông cũng còn ngôi Thiên gọi là mật thiên. Những cái này Thiên Tông Trung-Quốc còn gọi là thời kỳ lạm thường vì Thiên ở triều Đường bị gián đoạn và Thiên được thanh hạnh nhất là Thiên dưới đời Tống và Thiên này được truyền sang Nhật-Bản.

LÂM-TÊ-TÔNG:

Thiên Tông của Nhật-Bản có Lâm-Tê Tông đồng một hệ phái với Hoàng-Bích Tông. An-Nguyên (1562-1675) là Tổ khai sáng. Nói cho rõ, rằng thí tại Trung-Quốc không có gọi Hoàng-Bích Tông là một Tông phái mà An-Nguyên là xuất thân từ Lâm-Tê Tông, đã đến Nhật và mang Thiên vào truyền tại đây.

An-Nguyên đã chạy loạn vào cuối đời nhà Minh năm Thừa-ưng thứ 3 (1654) cũng với môn đệ khoảng 20 người đã đến Nagasaki và yết kiến tướng quân Gia-Võng. Sau đó họ ở lại Nhật và lập chùa Vạn-Phước Tử. Sự trạng sự trônggha-chánh-diển, ngôn tự... tất cả đều ảnh hưởng nhà Minh Trung-Quốc. Trong thời kỳ bế quan tỏa cảng Nhật-Bản đã sanh ra một giáo phái mới về Thiên.

Những tu sĩ của Lâm-Tê, Tào-Động đã giao thiệp với nhau và tạo nên 1 môn "Trã Đạo". Sau này văn-hoa của Thiên được đề-cấp đến luôn.

TẠO ĐÔNG TỔNG:

Vì khai sáng Tạo-Đông Tông là Ngài Đạo Nguyên (1200-1252), đầu tiên lên núi Bi-Duyệt Sơn ở theo Thiên-Thai Tông. Sau đó thì học Thiên của Minh-Toàn đệ-tử của Ngài Đinh-Tụy ở chùa Lâm Tế Kiên-Nhân Tự. Trình-Ứng năm thứ 2 (1223) cùng với Minh-Toàn đã đến Trung-Hoa vào triều vua nhà Tống. Đến núi Thiên-Động Sơn làm học-trò của Như-Tĩnh, đến năm An-Trình thứ 3 (1228) thì trở về Nhật và sáng lập ra Tạo-Đông Tông ở Nhật-Bản.

Ngài Đạo-Nguyên đã đưa cao chỉ nguyên về Thiên của Ngài Như-Tĩnh, đã liên kết với các tông phái khác. Đạo-Nguyên đã liên kết với các nhà quyền thế của quốc-gia lúc bấy giờ trong tư tưởng cực-đoan và đã tuyên chọn đất bờ hoa n g của dân lập nên chùa Vinh-Bình (Eiheiji). Ngài đã cũng những bậc chân tu, hành đạo ở đó. Đứng về phương-diện văn học Ngài Đạo Nguyên rất có tài đã viết y-chính của Tông mình vào quyển thứ 95 "Chánh pháp nhãn tạng". Hoài-Hải (720-814) của đời nhà Đường đã dùng Bạch-Trưởng Thanh Quy và Ngài Đạo Nguyên cũng đã dựa theo tha nh quy này chế ra "Vinh-Bình Thanh-Quy". Vì sự học đạo của kẻ khác nên Ngài cũng đã soạn ra "Học đạo dung tâm tập" và quyển sách này cũng đã xác-định được phương-pháp căn-ban của giáo đoàn Tạo-Đông.

Ngài Đạo-Nguyên mới 54 tuổi đã viên tịch. Sau đó giáo-đoan một thời đã hỗn loạn. Đời thứ tư là Bảo-Sơn (1268-1325) mới thực-hành nguyên lý chỉ đạo của Đạo-Nguyên và truyền-bá rộng rãi. Đã dưỡng dục nhiều bậc anh tài và đã xác lập được giáo-đoan của Tông Tạo-Đông. Sự phát-triển giáo-đoan của Bảo-Sơn làm cứ-điểm ở Tông Trì từ tại Nang-Đang. Nhưng vào khoảng cuối thời Minh Trì bị chiến loạn nên mới dời về Yokohama vào đó là trụ sở chính cho đến bây giờ.

Trong các đệ-tử của Bão-Sơn có Nga-Sơn, M Minh-Phùng là những bậc anh tài xuất chúng. Đã có ảnh-hưởng rất lớn trong việc truyền đạo cho toàn nước Nhật.

Tào-Động Tông đã phát-triển một cách tốt bực vào thời kỳ Giang-Hộ (Eido) là do công lao của Nguyệt-Chu (1617-1696). Tào-Động Thiên Tăng Ân-Nguyên dưới triều nhà Minh đã mang một không-khi Thiên mới vào Nhật và chính đây là sự không thay đổi của giáo đoàn Tào-Động Tông.

PHỔ HOA TÔNG:

Trong các Tông Thiên tại Nhật-Ban, ngoài ra còn có Tập Đoàn Hủ Vô Tăng của Tông Phổ Hoa nữa. Phổ-Hóa (?-860) là Tổ của Thiên này, được khai tông dưới đời nhà Đường. Không dùng kinh điển, mặc áo trắng, cầm và kiếm, ngấn. Họ thối sáo, tiếng sáo vang dội khắp nước. Khi thối 1 như vậy họ điều chỉnh hơi thở. Khi vào c ả nh Thiên thì có tông chi của Thiên, nên năm Minh Trị thứ 4 (1871) bị đồ chung tế hại, nên Tông này đã bị phế chi.

LÂM TẾ TÔNG VÀ TÀO ĐỘNG TÔNG:

Lâm-Tế và Tào-Động là 2 Tông Thiên đủ ọc truyền sang từ Trung-Quốc. Cả hai phái Thiến n đều có những sự khác nhau.

Lâm-Tế Thiên còn gọi là Khán-Thoại Thiến n. Khi được giao cho một công-an thì giải đáp và ngộ đạo từng nấc thang một (từng bước một) nên còn gọi là "Thiên bậc thang" hay là "giai đoạn Thiên".

Tào-Động Thiến còn gọi là Mặc-Chiếu Thiến. Đặc-biệt không có trao công-an, ngôi Thiến và ngộ được Thiến nên gọi là "Thiên ngôi ngũ" hoặc là có nhiều người xấu miệng cũng gọi là "Đái-

Ngô Thiên". Cả 2 loại Thiên trên, trong lúc ngôi Thiên đều được người sử-trưởng chỉ đạo và giảng-nghĩa Thiên cho đại chúng nghe. Khi vị sử-trưởng vào phòng thì từng người một được đi vào phòng và được hỏi đạo từng người.

Các tông phái của Phật-Giáo có nhiều loại kinh điển khác nhau, gọi là "Giáo tướng ph ả n thích". Tu phái này có nhiều sự phê phán bình luận phái kia nhưng 2 phái của Thiên trên đây ngay cả sự tranh luận giao-ly và giao học hầu như không có. Thiên Tông không cần-cứ vào kinh điển nhiều nên chuyện luận tranh về giao lý không có.

Ngược lại, Lâm-Tế, Tào-Động, Hoàng-Bích khi va chạm với Phổ-Hóa Tông thì có nhiều khuy nh hướng đi biệt khác nhau. Các tông phái c a ng ngay càng không liên kết chặt chẽ với nhau mà kể từ khi hậu ky của Minh-Tri, vị sử xác nhận cơ cấu của từng Tông vụ một nên đã xảy ra chuyện trên cho đến bây giờ.

Nói một cách tổng-quát Lâm-Tế Tông lại được truyền vào ở giai-tầng cao trong xã-hội và việc tu hành nghiêm ngặt. Còn Tào-Động Tông lại được truyền cho nhân dân nên việc tu hành có vẻ dễ chịu.

Nhưng trên thực-tế nếu bước vào đạo tràng của từng Tông một thì cũng không dung hãn nh ư điều trên đã thường hay nghe thấy. Ở Tào Động Thiên, Ngài Đạo-Nguyên đã cho thấy rằng: "Tham Thiên là làm cho thân tâm nhẹ nhàng, phải điều chỉnh hơi thở cũng như cách ngồi". Gán nh h ất của việc tọa Thiên là đã được thuyết trong "Chánh pháp nhận tạng". Trong "Kỳm Khoa Ngọc Điều" của Lâm-Tế Tông có chỉ dẫn của "Bích Nham Lục" và gán nhất là giải thuyết các công ả n. Điều đương nhiên là không có sự chọi bỏ các công án này. Mà ngược lại Thiên Lâm-Tế vào thời đại Chiêu-Hòa của Cựu Tướng Kato Canh-Sôn đã viết:

Vườn thơ Đạo Lý

- T.T. THÍCH-GIÁC-NHIÊN -

/)/ GÂY BẢO HIẾU TRONG AN

LỄ ghi kỷ tích mây ngàn năm ...
VU nghĩa cao sâu phải cố tâm
LAN rộng MỤC-LIÊN nhờ đặc quả
NGÀY nay đền trả được thâm ân
BẢO đền Cha Mẹ công sanh dưỡng
HIẾU hạnh trọn niềm vẹn tiếng tâm
TRONG nhứt trên đời chỉ khó sánh
ÂN sâu nghĩa nặng đáp cho nhăm

/)/ UC-KIÊN-LIÊN CHỈ HIẾU

ÂN thâm Phụ Mẫu sánh bằng non
ĐẠI đức MỤC-LIÊN giữ vẹn tròn
HIẾU thảo bát cơm dâng đến Mẹ
MỤC thân thâu rổ nôi lòng con
KIÊN tâm cố giữ niềm trung hiếu
LIÊN kết găng gìn dạ sắt son
BỒ phổ độ sanh tròn bổn phận
TÁT lai vĩnh kiếp tiếng thơm còn

/-) HẠT LÃ DANG TOÀN HIẾU

Phật xưa hiếu thảo, kẻ hã sa
Đền kiếp hiện nay cũng đậm đà
Đạo lợi Vương cung về viếng Mẹ
Ca-Tỳ La-Vệ đến tìm Cha ...
Khom lưng đánh lễ đôi xương trắng
Đưa mắt cho hôn một Mẫu già
Đến thóc Kim-quang, còn bạc nắp
Soi cũng hiếu tử mấy người qua

/-/AY NƠI GƯƠNG CHỈ HIẾU

Hỡi này Phật-Tử hãy noi gương
Trả hiếu MỤC-LIÊN làm đoạn trường
Cứu Mẹ thoát qua cơn khổ phạt
Độ sanh siêu rỗi rộng tình thương
Hăm lăm thế-kỷ càng lưu dấu
Tháng bảy TRUNG-NGUỒN mãi huỷ thương
Phật-Tử cần noi gương chỉ hiếu
VU LAN TỰ TƯ độ mười phương

^(-)N CAO DÂY

ÂN CHANGHĨA MẸ sánh bằng non
Đạo hiếu cần nên giữ vẹn tròn
Mười tháng cưu mang sanh đẻ trẻ
Ba năm bông ả dưỡng nuôi con
An cay uống đắng gian lao khổ
Vóc thê mẹ cha cũng thốn mồn
Tu cứu Cửu-Huyền cũng thất Tổ
Thâm ân báo bổ được vuông tròn

^(-)N TRỜI BIÊN

Công ơn Cha Mẹ sánh trời cao
Hiếu tử đáp đền trả sớm mau
Mang nặng đẻ đau nhiều khó nhọc
tanh hồi dờ thúi chẳng hề nao
Hy-sinh suốt kiếp vì con trẻ
Gian khổ trọn đời chớ quản nao
Bổn-phận lăm con cần báo đáp
Lã trang chỉ hiếu đáng anh hào

T/AN-HẠNH HIẾU VI TIÊN

Hiếu hạnh được coi đứng hàng đầu
Làm người phải biết gốc tử đầu
Ân Cha dưỡng dục hơn non thái
Nghĩa Mẹ sanh thành tộ biên đầu
Bổn phận lăm con tròn hiếu đạo
Đền ân trả nghĩa ý mong cầu
Tiếng thơm lưu mãi trọng muôn thươ
Hiếu hạnh được coi đứng hàng đầu

THƯƠNG NHỚ CHA MẸ

Thương nhớ cha mẹ thật quá chừng
Mùi lông nước mắt chảy rưng rưng
Thương cha công khó nuôi sản sóc
Mền Mẹ gian lao khó chằng ngừng
Độc báo Tu' Ân, đền đáp nghĩa
Thủy chung nhứt dạ mới dành ứng
Đôi đời kiếp kiếp không phai mất
Nghĩa Mẹ ân Cha thật quá chừng

ÔN BẢO HIẾU

Từ thuở ấu niên đến trưởng thành
Lúc nào cũng nghĩ đến công sanh
Ân Cha dưỡng dục bao gian khó
Nghĩa Mẹ âm bông thật thúi tanh
Từ lúc cứu mang trên chín tháng
Đến khi nở nhụy khổ năm canh
Dưỡng nuôi khôn lớn cho ạn học
Hiếu thảo danh xong dạ mới dành.

THÂM ÂN CHA MẸ

Mẹ Cha sinh dưỡng nghĩa ân đồng
Bốn phận lâm con phải trả xong
Cây oải nước nguồn nên, ví sánh
Trời cao biển thẳm nhớ ghi lông
Ba thương Má mền cũng yêu quý
Mẹ đẻ Cha nâng bé âm bông
Cha Mẹ ví như trời biển rộng
Lâm con đạo hiếu phải cho đồng

TRỜI HIẾU VỊ TIÊN

Cha Mẹ hơn trời biển, rộng sâu
Lâm con hiếu thảo đúng hăng đầu
Thương cha cực khổ lo nuôi nấng
Mền Mẹ gian truân gánh nặng bầu
Nghĩa Mẹ ân Cha cao rộng lớn
Sanh thành dưỡng dục chằng hại đầu
Thương Cha mền Mẹ cho đồng xứng
Bốn phận lâm con hiếu đúng đầu.

F) ĐẠO NGHĨA HIẾU TRUNG

Vô thủy đến nay, triệu kiếp sinh
Thọ ân sanh chung vạn muôn nghìn
Mối đời thay đổi Cha, cũng Mẹ
Mối kiếp đời Thầy đời đệ huynh
Vạn vật muôn loài đều góp sức
Chúng sanh các pháp giúp duyên mình
Ôn sâu hơn biển hơn non thái,
Đạo nghĩa hiếu trung phải gắng gìn.

Tu thân

- HOÀNG-VÂN -

Chuông chùa thông thả ngân vang
Như đưa kẻ mộng trở sang bên bờ
Thuyền tịnh như một giấc mơ
Sớm còn tối mất hừng hờ buông trôi
Chúng sanh hết đứng lại ngồi
Bâng khuâng tự hỏi thế rồi làm sao?
Xưa nay trong thế biết bao
Tu mi nam tử, má đão khổ thay!
Muôn cho sự khổ khỏi dây
Mau tu giải thoát chớ ngại tái sanh
Duyên lành trong chộn quân anh
Không còn, không mất, không sanh, không già

Chu du trong chốn ta bà
An vui hóa độ hạnh lành vi tha
Mau tu đừng để kéo già
Tiếc công hồi re thật là khổ tâm
Tĩnh thương Phật tổ không lầm
Tự mình giác ngộ chơn tâm tỏ bày
Huân tu đạo nghiệp từ nay
Chớ giở giải thoát, đời này khai tâm
Trắng rậm sáng tỏ sơn lâm
Hang cũng ngộ hém chút tâm hương về
Đồng xây đạo quả Bồ-Đề
An vui thoát tục trọn bề tu thân.

Công thâm ân cha mẹ

- T.T. THÍCH-GIÁC-NHIÊN -

Ân Cha hơn núi Thái-Sơn
Nghĩa Mẹ hơn nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ Mẹ kính Cha
Vẹn tròn hiếu thảo mới là đạo con.

++++

Ân cha dưỡng cũng nhiều công khó nhọc
Tuy không sanh, mà sánh tợ hơn sanh
Mẹ có thai, Mẹ mang nặng đã đành
Cha gánh vác, thế mọi điều cực nhọc

Vì thương Mẹ, và thương con trong bọc
Lo thức ăn, miếng uống chọ Mẹ hiền
Khí khai hoa, Cha ngồi đứng chàng yên
Nào chắc lưới, hít môi và bóp trán

Thương con, vợ thật vô cùng vô hạn
Vừa lọt lòng, thì tở dạ hân hoan
Miễn gái trai, như được ngọc được vàng
Mong trọn vẹn, xác thân không tàn tật

Nào cung phụng, đủ đầy trọng mọi vật
Giặt rửa đồ ô ướ cũng chẳng màng
Lòng thương con, cực khổ dám nào than
Nào bông bẽ, nung niu con tử chút

Vì thương con, không nghĩ ngại giây phút
Làm suốt ngày, tối tắm rửa nôi con
Khí con đau, thì gan dạ héo von
Ngồi thức suốt, năm canh không dám ngủ

Lo đời sống cho các con đầy đủ
Sợ thiếu ăn, thiếu mặc chúng chê cười
Dạy học hạnh, cho con được nên người
E thua sút sợ bạn khi chung ngạo

Coi sẵn sóc tự́ manh quân̄ mảnh áo
Tự́ guốc giầy, dép nón mũ dù khăn
Cha thường con thī đầu cớ ai bắng,
Khuya thức giấc nhắc chúng con gắng học

Qua thường con, Cha mẹ thường chăm sóc
Tối giữ mùng, giữ chiếu sẵn cho con
Tự́ thức ăn miêng uống cũng cho ngon,
Đền cái ghế cái giường cho ngay thẳng

Tiền bánh mứt mỗi ngày dành con sẵn
Mỗi tháng mã, du hạng được lạnh thêm
Qua thường con nên Cha phải theo kèm
Lúc ban thường lúc ra uy phạt dā

Khuyên con học đúng đē thua thiên hạ
Con nên danh là Cha Mẹ thơm lây
Đời sông con thī vật chắt đủ đầy
Còn Cha Mẹ vẫn mình trong lao khổ

Con vui sướng con ăn năm kín chớ
Còn Mẹ Cha thī vật vả phong sương
Giờ học xong con ra khỏi cổng trường
Xe chực sẵn chớ con Cha đón rước

Tớ mở sang nhắc con dùng bánh nước
Rồi lên xe đưa con tận nhà trường
Ngồi trên xe Cha Mẹ dạy mọi đường
Không thiếu sót từng kẻ răng chân tóc

Vì sợ con bị bao người đầu độc
Ham vui chơi bỏ bộn-phận học đường
Tự́ đồ tưởng rồi mắc phải vẩn vờng
Thī suốt kiếp trọn đời con chìm lụy

Lợi cha Mẹ con nghề cāng thâm thúy
Ở trên đời ai thượng xot bắng Cha
Chỉ Mẹ Cha tâm lớn tợ hải hà
Sanh xác thịt, còn sanh luôn tâm trí

Ăn Cha Mẹ, không lấy gì sánh ví
Hòn trời cao biển rộng cật sông Hāng
Phận lām con phải đền trả sao bắng,
Mới xứng-dáng là người con hiếu thảo

Khi con bệnh Mẹ Cha lo cơm cháo
Nào thuốc thang sẵn sóc dưỡng nuôi con
Dầu lương y bác-sĩ ở đâu non
Hay gốc bẻ, chân trời dầu cũng tới

Miền con mạnh có tới dầu là tới
Dầu bán nhà bán đất bán ruộng vườn
Đi ở thuê làm mướn cũng xem thường
Miền có thuốc chạy cho con lành mạnh

Về luân-lý dạy con tròn đạo thành
Giữ Tâm Càng giữ đạo hạnh ngũ thường
Ở ăn sao được ngay thảo hiền lương
Cho xứng đáng là người con hiếu thảo

Phần con gái Cha, thường hay dạy bảo
Phần tam tưng tử dục phải cho tròn
Giữ nét na dăm thắm hỏi nghe con
Việc bán trái, thêu thùa cho khéo léo

Việc nội trợ thì nữ lưu phải khéo
Việc tế gia thì nam giới phải rành
Lo cho con tìm phước kẻ mưu sanh
Chứng khôn lớn lo lập bệ gia thất

Lọ nhà cửa đủ mọi bệ thứ vật
Sắm cho con tử cái ghế cái giường
Tạo cho con tử cái tủ cái rương
Mua cái chén cái ly từng cái muống

Cha biết ý những cái gì con muốn
Cha Mẹ biết những cái gì con muốn
Đều sẵn sàng cho sắm tạo đủ đầy
Công ơn Cha thật lớn rộng cao dày
Còn nghĩa Mẹ không làm sao kể xiết

Nay mướn bút mảnh giấy này tạm viết
Đôi vần thơ lưu niệm của đời con
Dầu biển khô sông cạn núi kia mòn
Ấn Cha Mẹ không bao giờ quên được.

Những con tầm đỏ

- MAI-VI-PHÚC -

Có tiếng chân người bước vã, sau đó, ngon đến phía trước ngôi biệt thự bật sáng lên. Chi quay sang Thụy, nói nhỏ:

- Anh Tuyên có nhà không?

Những người mở cửa vảo là một cô gái còn trẻ với giọng nói miền Bắc:

- Ba cháu đang có khách. Mời hai chú vảo.

Hai người đẩy xe vô trong sân, dựng bên một gốc cây vã nối gót theo cô gái. Phòngkhách hẹp nhưng dãi, ăn thông nối tận cùng với một căn phòng khác cửa đóng lại. Phía trái mở ra lối sang gian bên kia biệt thự, nơi người con gái vừa khuất dạng.

Thụy ngồi xuống ghế xa-lông, lướt mắt qua sự bài trí trong phòng khách. Anh ngạc nhiên khi trông thấy cái bàn thờ dựng có vėlac lồng nội cuối phòng, bên trên là một tấm vãi chỉ chít chữ Tầu. Cách bài trí như vậy sẽ khê là một khung cảnh lạ mắt nếu ở một nơi nắckhác. Nhưng đây là nhà của một nhân vật nổi tiếng của Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam: Đại-Tá Phan-Lạc Tuyên. Tên tuổi của ông thường đượcgiới vãi n nghề sĩ Sài Gòn nhắc nhớ tại những nơi họp mặt: nhà hàng Kim-Sơn, câu-lạc-bộ văn-hóa trước năm 1963 và tại nhà hàng Thanh-Thê, La Pagode sau ngày chế-độ Ngô-Đình-Diệm sụp đổ.

Hình như cũng nhận ra được vẻ ngạc-nhiên của Thụy, Chi nói:

- Anh Tuyên có một tâm-hồn chuộng cổ. Cái tượng đó cũng xưa lắm.

Thuy nhìn theo ngón tay của Chi. Đó là tượng một vũ-nữ Chăm. Trước đây, Chi có nói cho anh biết Tuyên chuyên về sắc-tộc Chăm và luận-án tiến-sĩ của anh đã được Phạm-Vấn-Đông góp ý khi vị Thủ-Tướng này ghé qua Ba-Lan.

Người con gái, trở ra với hai tách nư ớc, trà. Mùi trà khiến Thuy, nhớ tới bài thơ phổ nhạc của người mà anh sắp đối diện:

... nổi cơn ghê đở
bát nước chè xanh
ngồi ăn kể chuyện
tâm tình thâu canh !!!

Bản nhạc này mở đầu bằng những câu n h ữ lợi báo trước của định-mạng: "Các anh đừng ngại, đã lâu rồi..." Mười tám năm đã trôi qua kể từ ngày ấy. Cuối năm 1960, tin đại-úynhảy dù Phan-Lạc-Tuyên bỏ vào mặt khu, sau cuộcđảo chánh không thành-công của đại-tá NguyễnChánh Thi nhằm lật đổ Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm, được lan truyền mau lẹ trong giới văn-ngệ thủ đở. Thoạt đầu, không mấy người nghĩ rằng đó là một sự thật. Nhảy dù là một binh chủng được nhà Ngô tin cậy nhất sau những chiến, th ấ ng trước Bình-Xuyên và các lực-lượng giao phái vũ trang. Phan-Lạc-Tuyên là đại-úy của, b i n h chủng này, vừa là một thi-sĩ nổi tiếng, a n h cũng là tác-giả các cuốn biên-khao về Tagore, về thi ca việt chung với nhà văn Kiêm-Dạt. Ng Người ta vẫn tiếp tục nghĩ ngờ mặc dù s a u ngày Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam ra đời, tên tuổi anh thường được dãi bí-mật của Cục R để cấp tới trong kế-hoạch binh vận của họ. Cho đến 4 năm sau, mới nghĩ ngờ mới hoàn toàn tan biến khi Phan-Lạc-Tuyên chỉ-huy quân g i a i phóng gây thiệt hại nặng cho một tiểu đoàn Dù trong trận Bình-Già, một trong số các tr ậ n đánh có tính cách chiến-lược lẫm cho Hoa K ỹ

phải thay-đổi cách thức can-thiệp của họ vào chiến-tranh Việt-Nam.

Sự hồi tưởng của Thụy bị gián-đoạn vì Chi lên tiếng:

- Anh Tuyên sắp ra tới. Khách sắp về.

Khách là một thanh niên còn trẻ tuổi, th theo lời Chi, là một cộng-tác viên tại Viện Khoa-Học Xã-Hội thành-phố Hồ-Chí-Minh.

- Họ thường tới đây để nhớ Anh Tuyên giới thiệu với Anh Đường, Trưởng Ban. Cũng có nhiều người ...

Câu nói của Chi bị bỏ dở nửa chừng vì cửa của phòng tận cùng mở ra. Theo sau người thanh niên mà Chi vừa nói là một người đàn ông tầm thước, hơi ốm, mặc áo sơ-mi trắng cụt tay.

Người thanh-niên chào tứ giá và kh u ất dạng sau cánh cửa.

Chi giới thiệu:

- Anh Tuyên ... Anh Thụy.

Sau, cái bắt tay chứng mực, cả hai người ngồi xuống ghế.

- Chi có nội qua về anh và tôi cũng đã có xem qua các bản photocopy những văn-băng anh đã để tại đại-học.

Tuyên vào đề ngay bằng giọng nói khê cao không thấp, nhưng có hơi mau so với dáng điệu thoảng vẻ uệ oai và nét mặt trầm lặng của anh. Về mâu-thuân ấy làm cho Thụy cảm thấy bỡ ngỡ phân nào. Thật ra anh không chờ đợi đối diện với một con người chọc, trời khuấy nước, mà một con người theo kiểu mâu các vị anh-hùng Đường Sơn-Bạc lâm liệt và ngang tàng.

Tứ bốn năm qua, anh đã quen mắt cái mẫu người héo úa của Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam. Áo bộ đội màu xanh lá cây đậm mà họ thường bận cũng lắm tứ ngũ héo úa kia thêm phần chĩ nh xác. Máu xanh lúot, mà bệnh rét rùng đả khoát lên khuôn mặt họ, đôi môi thâm, những cái răng âm vãng lớp khói thuốc lão ngã sang máu khắn khiến họ giống như những chiếc lá sấp sửa liã cãnh. Nói con người họ, sinh khí chỉ còn lại trong đôi mắt, hay nói đúng hơn, trong ánh mắt của miệng và tay chân. Đôi chân họ vẫn còn giữ được sự lanh lẹ thuận thực của nhiều năm bôn tập trong rừng. Ánh mắt họ vẫn còn sáng lên những tia thù hận khi họ nói tới "Mỹ Ngụy". Nó chỉ người lại, khi họ về rạc rình ảnh của một nước Việt-Nam ngày mai. Thụy không hiểu rõ nét với với trong ánh mắt kia là do một niềm ngày ngất có thật hay đang đối theo một thiên-đường không hề có nơi chốn nhân gian. Nhưng dù vậy vẫn còn đủ năng lượng để khiến hai cánh tay của họ hoạt-dộng trơn tru. Chúng rất linh-hoạt khi của miệng họ thao thao bất tuyệt chánh sách và đường lối của Đảng mà họ thuộc lòng, cũng như những lời cạ tụng Mác Lê-Nin và "Bác Hồ" vĩ đại. Dù quen mắt với mẫu người của Mặt Trận, Thụy vẫn không tránh được sự ngạc-nhiên khi nhìn kỹ về người của Tuyên. Tứ anh không thấy toát ra một dạng dấp tấp tại hoa nào hết và, nếu lột đi cặp kiếng, anh sẽ dễ bị nhận là một thợ-ký hàng buôn nhỏ nhỏ h a y qua lắm cũng chỉ là một thầy giáo lãng.

- Nay mai anh Dương sẽ về. Anh ấy ra Hà Nội dự hội nghị. Tôi sẽ trao cho anh Dựng sổ yêu lý-lich của anh cùng với bài vở. À - ngưng một thoang - Tuyên hỏi tiếp:

- À, anh viết xong chưa?

- Thưa đã xong phần vô vi. Riêng phần phê độ thí ...

Thuy ngật ngung, không biết phải gì a i thích như thế nào đây. Người Công-San chia tôn giáo ra làm 2 phần: Phần vô vi và phần phổ độ. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật "vô vi" sẽ là giáo lý và "phổ độ" có nghĩa hoằng pháp.

- Anh cứ trình-bày. Nếu có sự trở ngại nào mà tôi có thể giải toả được hộ anh, tôi sẽ cố gắng. Tuyên nói, đôi mắt nhìn Thuy dăm dăm.

Thuy cố giữ vẻ mặt bình thản chịu đựng cái nhìn ấy và đề chuẩn-bị cho một câu trả lời không thất.

- Riêng phần phổ-độ tôi thấy cần phải xuống Bến-Tre và Côn Phung mới có thể bao-đảm một bài viết tuồng-xung với sự giới-thiệu của anh.

Thuy đã nói đôi một cách suông sẽ. Sự thật, anh đã bỏ hẳn bài viết sau khi từ n h ân thấy ban-chất Mac-xit Lê-nin-nít không thích hợp với tâm-hồn anh. Và anh cũng không bị dồn vào trong một tình thế bắt buộc phải nộp năn ban chất ấy vào trong con người mình đề tồn tại.

- Cũng không khó giải-quyết lắm đâu, trưởng hợp của anh, Tuyên nói, tạm thời anh hãy gác bài ấy lại và chỉ cần viết một bài về chùa Linh Quang. Phần vô vi của phái này, các tài liệu mà anh đã nhờ Chi trao lại cho tôi xem qua đủ để viết bài. Phần phổ-độ, cũng để thời vịchùa này ở cung quan với anh. Anh chỉ cần viết rõ tổ-chức và cơ-sở của họ.

Vội Tuyên, quả thật viết một bài như vậy không có gì lạ khó. Người Công-San quan niệm chỉ có một tổ-chức duy nhất cần phải cung cova banh-trưởng. Đó là Đảng Công-San Việt-Nam. Khi họ nói tới một tổ-chức nào nạm ngoài Đảng Công San VN, người ta cần phải hiểu sớm muộn gì tổ chức "phan động" ấy sẽ bị làm cho tan ra, bằng cách này hay cách khác. Khi trao cho Chi ca c

bản photocopy những văn bản mà anh đã dấu tại đại-học, Thụy không hề có ý muốn trở thành một tên tinh-bạo. Anh chỉ mong sao sớm rời khỏi nhà Văn-Hóa Quận 6 mà anh đang công-tác. Quận 6 là quận có nhiều người Tàu cũ-ngụ, do đó là môi-trường thích-hợp cho các điệp viên Trung Quốc. Nhận chỉ-thị từ Bắc-Kinh, các điệp viên này qua ngõ Hà-Nội, dùng mọi phương-tiện -vàng bạc, gái đẹp, kẻ ca sử khùng-bô - để mua chuộc các cán-bộ hủ hóa và băng đảng xe lửa Hà-Nội, thành-phố Hồ-Chi-Minh xâm-nhập vào Chợ-Lớn để hoạt-dộng tuyên-truyền và khùng-bô. Thụy là đầu ngành về Chuyên đề và Kịch nói tại đây. Trong các cuộc hội-thảo hay trong các vở kịch của anh, Thụy cần phải thi-hành dụng theo chỉ thị Đảng đưa ra làm nổi bật tinh cách phandong của nhà cầm quyền Bắc-Kinh. Người Tàu trong quân phần đông không thích chế-độ Cộng-San Hà Nội nhưng họ cũng không ưa gì chính-phủ Bắc Kinh. Nhận được giấy gọi, họ đi họp vì không dám làm ngược lại. Nhưng từ khi đến cho tới lúc ra về, họ đã phản-ứng bằng sự im lặng, không phát biểu một lời nào. Sinh-hoạt hoạt trong bầu không khí như vậy. Thụy đâm chán nản và có ý định về công-tác với Viện Khoa-Học và Hội đồng thành-phố. Thụy không thể ngờ sẽ có một buổi chiều như chiều nay. Anh tới nhà Phan Lạc Tuyên lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Ngay mai khi trời rạng sáng anh sẽ lui ghe và có thể là mai mai khung cảnh này trở thành kỷ niệm.

- Ngày mai tôi sẽ viết báo đó. Thụy lên tiếng trở lại. - Anh có thể cho tôi mượn lại cuốn "Hoa-Nghiêm nguyên nhân luận" vài hôm.

Tuyên đứng lên và đi vào trong. Thụy coi đồng-hồ tay, còn vài phút nữa là 6 giờ. Anh cảm thấy sốt ruột. "Điện sẽ cúp vào lúc 6 giờ chiều nay", câu nói của Nga trở lại trong đầu anh như một lời báo-dộng. Đầu chỉ có thể tại sang ụ ghè trong khoảng thời-gian ấy. Tủ vải

tháng này, để tiết-kiệm điện cho thành-phố thành uy đã ra lệnh nhà máy điện tuân từ cúp điện tại các khu vực theo ngày giờ như định. Và tại u ma Thủy đã muốn đồng ghe, điện sẽ cúp vào lúc 6g chiều. Đó là thời-gian thuận tiện để Sơn cho ghe chèo dầu dột ngọt áp sát bờ và bốc dầu chuyên bằng ngang dọc cầu đem về trong u. Nhưng người công-an chìm ngòi trong các quan nổi bên đó sẽ không kham phá được. Dưới ánh-sang leo lét của các ngọn đèn dầu, tầm mắt của họ bị giới-hạn. Chỉ còn ngại người đi dạo những thoi lượng muối lăm, hai muối phút anh ta cần có để nổi liền hai bó khiến anh ta khg còn nguy-hiểm cho lăm, nếu Sơn tô-chức b ô c dầu thật khẩn cấp.

Tuyên trở ra cùng với cuốn sách. Th u y nhận lấy và chuẩn-bị từ giá ra về. Nhưng Tuyên cầm giữ anh lại.

Con sôm. Tôi nay tôi ranh. Chúng ta có thể thảo-luận về Phật-Giáo. Chỉ có nói a n h có một tu sách Phật học với nhiều tài li êu hiêm. Cuốn này chẳng hạn.

Tuyên nói vừa chỉ tay cuốn "Hoa-Nghi ê m nguyên-nhân luận".

- Anh đã đọc hết rồi chứ? Thủy hỏi, lòng hoai nghi. Anh không tin rằng Tuyên có t h ể hiểu được cuốn luận đó. Không phải vì Tuyên không đủ thông-minh để hiểu. Thủy ngại rằng nếp tư duy quen theo duy vật biện chứng sẽ làm chướng ngại lớn cho Tuyên.

- Tôi đã đọc xong và có thể đi đến kết luận là... Tuyên thoáng ngập ngừng. - Tốt hơn nên đọc trực-tiếp các bộ kinh. Luận là một cách hiểu xuyên qua cái hiểu của người khác.

Tuyên nói đúng. Thủy thăm nghi. Như ng tử do để đi tới sự phu-nhận các bộ luận là điều

mã ít có người dám làm. Bỗng nhiên sự tở m ỏ
khiến Thụy muốn nản lại vài phút.

- Anh có nghĩ là Phậ-Giáo miền Nam rồi sẽ
tàn lụi hay là ...

Thụy bỏ lúng lỏ câu nói, anh biết mình vừa
hỏi một câu có phần nào táo bạo. Trước một con
người Cộng-San như Tuyên, điều cần tránh tuyệt
đối là không nên tỏ ra nghi ngờ kha-nang chuyén
chính của Đảng. Nhưng câu tra-lời của Tuy ến
quả thật bất ngờ.

- Tôi nhận thấy việc đó đôi khi hơi hơi gia n,
Tuyên nói giọng trầm ngâm, người miền Nam hay
đọc sách Thiên. Không làm sao tìm mua c h o
được những cuốn có giá-trị. Họ giấu mất hết.
Nếu có thì giá lại quá mắc.

Tuyên muốn nói đến hiện-tượng cất giấu và
mua bán "sách Ngụy" tại thành-phố Hồ-Chí-Minh.
Những cuốn sách bị liệt vào loại "tác-phẩm văn
hóa đồi trụy" được các tay lái sách thu m u a
vội giá rẻ dẽ sau đó bán lại với giá thật mắc.
Nhất là các cuốn về Thiên của Suzuki, của Thượng
Toa Thích-Thanh-Tử hay giáo-sư Nguyễn-ĐangThúc..

- Những người tu Thiên - Tuyên lên tiếng trở
lại - không cần đến chùa, không cần đến sự tở
chức. Họ không là đối-tượng cho nên...

Tuyên ngập ngừng, không nói hết câu. Thụy
cung đoán được những gì đang sau sự im lặng bất
chợt đó. Và lòng anh thoáng gợn lên nỗi vui
mừng. Đứng ra không phải chỗ tội sự thù nhân
giận tiếp đó của Tuyên, Thụy mới hiểu đ ứ ợ c
rằng người Cộng-San sẽ hoặ công nếu muốn tiêu
diệt Phậ-Giáo miền Nam bằng chanh-sạch khu ng
bồ và cô-lập. Nhưng được nhìn thấy sự gì a o
động dù rất khéo chệ dẫy của một đảng viên Công
San, sự giao động của đức tin "bách chiến bách
thắng", dù sao cũng làm cho Thụy cảm thấy thú
vị phần nào. Người Cộng-San có thể thách thức

thời-gian, với sự quyết tâm trưởng kỹ của họ. Họ có thể không mang tới các giới-hạn của không gian, qua một ảo tưởng về một giá-trị tinh-thần - tinh-thần quốc-tế vô sản - mà họ ngỡ rằng sẽ đạt tới được bằng sự trưởng kỹ chiến-dấu. Nhưng họ sẽ làm được những gì trước "kẻ thù", không trở thành ảo-tưởng. "Kẻ thù" đang gó mình ra khỏi những hữu hạn của kiếp người, mà mọi ý-niệm về không-gian đã trở thành như thể như g loe tất của một vết phủ dũ.

Thụy-nhìn Tuyên và sự giao nhau ấy giữa hai anh mắt khiến lòng anh chùng xuống lại một niềm thương hại. Anh mắt sùng sỏ kia Thụy khế với nghi là do nội tiết thương một tuổi thanh xuân hoài công hạn ma. Anh chỉ muốn nghi đó là sự khuất nhục của một người biết rằng lý tưởng mà mình đang theo đuổi có thể rồi sẽ khế dĩa mình tới dũ...

CÔNG DỤNG TỌA THIÊN NHƯ THỂ NÀO (Tiếp trang 20)

"Việc xử dụng công-án hay nghi di sẽ nghi như thế nào? Công-án là làm, cho dũ óc phải suy nghi." Nhưng cấp bậc dưới của Thiên Lâm-Tê thì phục tũng công-án, nhưng những bậc chỉ đạo thì có người phủ-nhận công-án.

Lâm-Tê Thiên và Tào-Động Thiên sai kh ác như thế nào? Giữa Khán-Thoại Thiên và Mạc-Chiêu, Thiên dũ luận thuyết cho đến dũ đi chẳng nữa cũng không hiểu được Thiên, mà trở lại c h ấ p trước giữa các Tông phái với nhau, bằng chihơn là hãy thực-hành Thiên là điều quan-trọng hơn cả.

(còn tiếp)

Phông sự Đại Lễ Phật Đản

2524

tại Hannover

Đại-lễ Phật-Đản năm nay được tổ-chức tại Hannover trong những ngày 24, 25 và 26.5. 1980 để kỷ-niệm Đản-Sanh lần thứ 2524 năm của Đức Thích-Ca Mâu-Ni.

Giáo-hội Phật-Giáo VN Thống-Nhất - Chi Bộ Tây-Đức cũng như Hội Sinh-Viện và Kiều-BaoPhật Tử VN tại Tây-Đức đã gửi giấy mời tham-dù 1 lễ trước đó 2 tuần. Số người tham-du đại lễ năm nay được ấn định là 7 đến 800 cho người Việt, ngoài ra là quần khách Đức.

Tất cả các ban văn-nghệ của Hội Phật Tử (Bá-Linh), cũng như của các hội đoàn bạn: Kiel, Lübeck, Paris, Rottenburg và ban trại soạn ở Braunschweig, Barntrup đã tập trung tại Jugendzentrum vào ngày thứ bảy để gặp gỡ, hội họp và phân chia công-tác ...

Tối thứ bảy 24.5. Ban tổ-chức cũng đã tổ chức được một đêm văn-nghệ riêng cho người Việt Nam do sự đóng góp của các đoàn-thể và cá nhân như Gia-Đình Phật-Tử Quảng-Đức, Phật-Tử tại Bá Linh, Hội Kiel, Ban Tam ca GMC (Pháp), Ban hòa tấu, ca-sĩ Elvis Phường, Anh Tiên, Hàn-Lệ-Nhân ... số khán giả trong đêm này khoảng 300 người.

Chiều chủ-nhất vào lúc 2g Ban Văn-Nghệ và Ban Trang-Trí có mặt tại nhà hát ở Aegi, ở n đồng-báo Phật-Tử thì tập trung tại nhà số 22 của Messengelände để cử-hành Đại lễ Phật Đản 2524.

Trên ban chủ lễ có chủ Đại-Đức Tăng, Ni-tử Pháp cũng như Đức đến. Có Đại-Đức T. Tuệ-Minh, Sư Kim-Bang (Pháp), Đại-Đức Như-Điện, ĐĐ Minh Thân, Thầy Thiện-Tâm, Thầy Minh-Phu, Đại Đức Giác-Minh, Cô Diệu-An, Cô Diệu-Hạnh và Cô Diệu-Chường (Đức) ... và đông-bào Phật-Tử Paris gần 100 người, cũng đã cùng hơn 400 đông-bào Phật-Tử VN trên khắp nước Đức, Hòa-Lan đã tham dự lễ này.

Trong khi hành lễ đại truyền hình ZDF đã thu hình và phát hình cũng ngay vào lúc 10 giờ hôm đó trên đài 2 của đài vô tuyến. Hàng AAB của Mỹ và các báo chí khác như Die Welt, Hannoverische Allgemeine Zeitung, Neue Presse, Bild Zeitung, Hildesheim Allgemeine Zeitung ... cũng đã có mặt và tất cả những tờ báo này đã đã ng tin cứ hành lễ Phật-Đản của người VN tại T á y Đức vào ngày 27.5.80.

Buổi lễ được chấm dứt qua lời ban đạo tử của Đại-Đức T. Tuệ-Minh và nói về ý nghĩa Đản-Sanh của Đức Phật do Sư Giác-Minh đọc cũng như lời cảm tạ sự tham dự của đông-bào của Đại Đức T. Như-Điện.

Đúng 19g cũng ngày đông-bào đã tập trung tại nhà hát Aegi và đúng 20g thì các quan khách chính-quyền, tôn-giáo người Đức đến. Đặc biệt trong lần này có ông Seldholt (Đại-điện Bộ Văn Hóa của Tiểu-Bang Niedersachsen) lên ngỏ lời chào mừng đông-bào VN, Ông Stort đại-Điện P G Đức cũng đã nói về cuộc đời và giáo-lý của Đức Phật, Ông Berhowsky đại-điện Malteser Hilfsdienst đã ngỏ lời chào mừng và ngợi khen người VN tại CHLB Tây-Đức.

Đêm văn-nghe gồm có 2 phần chính, đó là các điệu vũ dân-tộc và Phật-Giáo như múa trống cơm, múa hoa sen, múa đèn, múa kim hoãn, múa rừng khuya sơn cước... Phần hai của chương trình là thoại kịch "Phật-Giáo VN trong c ó n

pháp nạn" đã kéo dài hơn 45 phút gồm 4 màn, đã làm cho đa số khán giả Việt cũng như Đức khóc nước nớc qua sự diễn xuất tài tình của các diễn viên của hội Lübeck. Tờ báo "Die Welt" là tờ báo lớn nhất nhì của Đức đã đăng tin là: "Điểm cao nhất của đêm văn-nghệ Phật-Dân năm nay là thoải kích ấy".

Đêm văn-nghệ Phật-Dân năm nay gặp ngày lễ Phục-Sinh nên quan khách Đức ít tham dự hơn như điều của Ban Tổ-Chức đã dự tính. Tuy nhiên số người tham dự trong đêm văn-nghệ ấy trên dưới khoảng 1000 người. Khoảng 11g15 thì đêm văn nghệ đã chấm dứt, một số đồng-bào về lại Messengelände và một số đồng về Jugendzentrum để ngủ lại đêm đó.

Sáng hôm sau có lễ quy-y tại Messengelände nhưng số người quy y quá ít so với sự rộng lớn của lễ đài, nên Đại-Dức T. Như-Điền đã cho dời về chùa để hành lễ.

Đại lễ Phật-Dân được chấm dứt lúc 11g trưa ngày 26.5.80. Mọi người ra về vui vẻ và hẹn gặp lại năm tới.

Đặc-biệt năm nay phái-doãn Phật-Tử bên Pháp thuộc chùa Khánh-Anh do Đại-Dức T. Minh Tâm hướng-dẫn đã lên đến 100 người và trước khi ra về đồng-bào PT bên Pháp còn hẹn lại rằng lễ Phật-Dân năm sau sẽ qua đông hơn gấp 2 hay 3 lần như lần này nữa. Được hỏi tại sao - thì quý vị ấy trả lời rằng: "Ban tổ-chức lo c h uáo quá". Đặc-biệt nhất là Ban Trai-soạn và Ban Văn-Nghệ. Tuy nhiên vẫn còn một vài khuyết điểm lặt vặt nhưng đó là một điều hiển nhiên vì đông người, đông tổ-chức, bao giờ cũng vậy. Cái khéo là làm sao dung hợp được tất cả, ấy mới chính là tinh thần "vì mình, vì người" của Phật-Giáo vậy.

Anh trăng trên cồn

- MAI-VI-PHÚC -

Đêm nay sóng biển năm thoi thóp
Nghe trời, miền mạn tiếng dạt trắng
Nhưng tiếng nghin nam xe cát hạn
Xây bao thành quách của hủ không

Miệt mãi trong hội, ba đảo ấy
Trùng đủng bao tổ đã từ xưa
Nào biết, bao lời thổ đã tất
Trên biển nhân gian cát bụi mù

Trùng tu mây độ hoai rêu biếc
Môn hao đá gọi mưa thổi gian
Nghin sau trong giọng triệu thể thiết
Cồn vọng chẳng người tiếng đá xanh

Cồn vọng chẳng người trong tiếng sóng
Tiếng chèo khua rộn nói trâm luân
Thuyền người chớ nặng dơi dậu biển
Nói sáu qua mây bến nhân gian

Hay sẽ cuốn theo cùng tuế nguyệt
Trùng đủng xanh biếc cuốn từng trang
Mिट mớ lớp sóng nghin xưa ấy
Còn lại trên cồn một anh trang

TRANG GIÁO LÝ

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

BẬC HƯỚNG THIÊN

T.T. Thích Thiên Ân
T.T. Thích Minh Châu
Đ.Đ. Thích Đức Tâm
Đ.Đ. Thích Chân Trí

GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ'
PHẬT PHÁP

THIẾU NIÊN THIẾU NỮ'
PHẬT-TỬ'

2

A. BẬC HƯỚNG-THIÊN

1. Biết sự tích Đức Phật Thích-Ca tử s ở sinh đến xuất gia.
2. Biết hai chuyện tiên thân hay máuchuyện đạo.
3. Thuộc và hiểu bài Sám-hối.
4. Hiểu châm-ngôn và 5 điều luật của Gia Đình Phật-Tử.
5. Hiểu ý nghĩa hoa sen và mục-đích c ủa a đoàn.

B. BẬC SỐ-THIỆN

1. Biết sự tích Đức Phật Thích-Ca từ xuất gia đến thành đạo.
2. Biết sự tích Đức Phật A-Di-Đã và Đức Quan Thế-Âm.
3. Biết ba chuyện tiền thân hay mẫu chuyện đạo.
4. Biết ba Ngôi báu ba Pháp quy-y, sáu phép hòa kính.
5. Hiểu ý nghĩa ăn chay niệm Phật.
6. Hiểu và thuộc nghi thức thông thường.

C. BẬC TRUNG-THIỆN

1. Sự tích Đức Phật Di-Lặc.
2. Sự tích Ngài Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát.
3. Sự tích chùa Quốc-Ân.
4. Sự tích chùa Thuyền-Tôn.
5. Lý Nhơn duyên sanh.
6. Lý Nhơn quả
7. Lý Luân-hồi
8. Năm giới
9. Mười điều thiện
10. Bốn ân
11. Bốn nhiếp pháp
12. Tám điều giác-ngộ của Bạc Đại nhân.
13. An cư kiết hạ
14. Lịch-sử đạo Phật VN từ thời đại du nhập đến đời Lý.
15. Biết năm mẫu chuyện đạo.

D. BÁT CHÁNH-THIỆN

1. Sự tích Ngã Ma-Ha Ca-Diếp
2. Sự tích Ngã A-Nan
3. Sự tích Ngã Nguyên-Thiếu
4. Sự tích Ngã Liễu-Quán
5. Giới Định-Huệ
6. Mục-nguồ-Đồ
7. Bốn Đé
8. Mười hai nhón duyên
9. Tám chánh đạo
10. Kinh mười điều Thiện
11. Thiện ác nghiệp báo
12. Sáu độ
13. Quán tướng vā niêm Phật
14. Tám quan trai
15. Lịch-sử Đạo Phật VN từ đời Trần đ ến
cần đại.

HIỆN TƯỢNG TƯ' SANH (Tiếp theo trang 7)

5. Milinda's Questions, trang 127, 128.
6. Trên dãy ngân hà có lối 1 triệu hành tinh
trên ấy có sự sống - The Nature of the Uni-
verse, Fred Hoyle, trang 87 - 89.

BÀI SÁM HỒI (Tiếp theo trang 63)

tứ tu hành không phải mưu cầu lợi riêng chomình
mã còn nguyện cứu độ tất cả mọi loài cũng được
giác-ngộ như mình.

Lịch sử Đức Phật Thích Ca *từ sơ sanh đến xuất gia*

1. THÂN THỂ CỦA THÁI-TỬ TẮT-ĐẠT-ĐA

Đức Phật Thích-Ca tên là Tắt-Đạt-Đa, hiệu Thích-Ca một nhánh của họ Kiêu-Tất-La, một đại quý tộc ở Ấn-Độ. Họ cả tên lẫn họ là Kiêu-Tất-La Thích-Ca Tắt-Đạt-Đa. Ngài con vua T i n h Phạn nước Ca-Tỳ-La-Vê. Mẹ Ngài là Ma-Gia phu nhân. Nước Ca-Tỳ-La-Vê ở Ấn-Độ thời ấy là một nước rất phồn thịnh, nay tức là xứ Therai, ở phía đông-bắc thành Ba-La-Nại, phía nam n ứ ớc Népal.

2. NGÀY VÀ CHỖ ĐẢN SANH

Bà Ma-Gia năm mộng thấy con voi trắng, sáu ngà nên bà có thai sanh Thái-Tử. Thái-Tử sanh lúc mặt trời mọc, ngày rằm tháng hai Ấn-Độ tức là ngày mộng tám tháng tư theo lịch Tàu, vào năm 544 năm trước tây lịch. Như vậy đèn n a m 1980 là dung với Phật lịch 2524. Ngài sanh dưới cây vô ưu, trong vườn Lâm-Tỳ-Ni trong khi Bà Ma Gia đang dạo chơi vườn cảnh.

3. TƯỚNG MẠO THÁI-TỬ VÀ LỜI TIÊN ĐOÁN CỦA A TỬ ĐA

Khi Thái-Tử sanh có nhiều điềm lạ, trời mưa hoa thơm, nhạc trời chầu tụng, quả đất r u n g

đồng. Thái-Tử sanh ra có 32 tướng tốt. Ông A-Tử Đại đến đoán tướng Ngài nói rằng: "Thái-Tử có đủ 32 tướng tốt, nếu làm vua thì làm vị Chuyên-luân thánh vương, nếu xuất gia tu hành thì sẽ thành Phật."

4. SỰ GIÁO-DỤC VÀ TÀI-NĂNG CỦA THÁI-TỬ

Sau khi sanh Thái-Tử được bảy ngày thì Bà Ma-Gia tử trần. Vua Tịnh-Phan giao Thái-Tử cho người di tên là Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề nuôi nấng ch chăm sóc. Vua hết sự lo sự giáo-dục cho Thái-Tử. Ngài cho mọi những bậc giáo-sử có tiền g nhất ở trong nước về văn cung như về võ. Thái-Tử rất thông-minh, chỉ học qua một lần đ ề u thông hiểu, văn võ toàn tài không ai sánh kịp. Các vị giáo-sử đều bại phục.

5. ĐỜI SỐNG CỦA THÁI-TỬ:

Thái-Tử được vua Tịnh-Phan yêu quý, ng ãy ngày sống trong cảnh phong lưu sung sướng. Vua xây cho Thái-Tử những tòa lầu đài hộp với b a mùa của xứ Ấn-Độ. Mùa nóng có chỗ mát, mùa a lạnh có chỗ ấm, mùa ôn hòa có chỗ không nóng không lạnh. Cung-diện trang-hoàng cực kỳ mỹ lệ, vườn cảnh có đủ hoa thộm cỏ lạ. Vua Tịnh-Phan lại ban cho 500 thê nữ kiều diễm đêm ngày c a mùa đàn hát, các môn vui chơi trong nước không còn thiếu một môn gì. Tuy Thái-Tử sống trong xa hoa lộng lẫy nhưng Ngài không bao giờ s a y dâm, trên mặt luôn luôn lộ một vẻ buồn kín đáo, thường người thường mọi vật. Tuy Ngài văn võ họn người, Ngài vẫn khiêm tôn lễ độ, không kiêu căng tự đắc.

6. THÁI-TỬ LẬP GIA-ĐÌNH

Đến 19 tuổi, Ngài vâng theo lời của P h ụ vương kết hôn với nàng Da-Du-Dà-Là. Theo tục quy phái xưa, Thái-Tử đã chiêm-thăng tất c a

thanh-niên đến dự các buổi thi và lựa năng Đa Du là người tuổi đẹp thuận thực nhất trong các công-chùa muốn được làm vợ Ngài. Thái-Tử sanh được một người con tên là La-Hầu-La.

7. THAI-TỬ TIẾP XÚC VỚI ĐỐI

Vì có lời tiên đoán của Ông A-Tử-Đà nên vua Tịnh-Phan không cho Thái-Tử tiếp xúc với cảnh khổ, nhưng vì Thái-Tử khẩn khoản cầu xin, vua Tịnh-Phan để cho Thái-Tử đi du ngoạn và tr ị c tiếp với thực trạng của cuộc đời.

a. Cảnh khổ thứ nhất - Sông là khổ:

Một hôm Ngài theo vua cha đi lễ cây cây. Thấy người vất vả, khổ đau dưới ánh nắng thiêu đốt để đổi lấy bát cơm, chìm chóc lẫn nhau mô an các loài côn trùng giay dựa trên ruộng đất mới, Ngài thương xót, buồn rầu vô hạn. Ngài thương chung sanh đau khổ vì phải sống, thấy chung sanh vì môn an mà phải giết hai lần nhau.

b. Ba cảnh khổ cuộc đời: Già, bệnh, chết là khổ:

Lần sau Ngài lại xin phép phụ vương ra cửa thanh đạo chơi. Lần thứ nhất Ngài gặp một ông già tiêu tụy, da nhăn, lưng còm, mắt lờ, tai điếc. Lần thứ hai Ngài thấy một người tật bệnh bung to cổ trướng rên la khổ sở. Lần thứ ba Ngài gặp một đám tang, thân nhân gào khóc thảm thiết. Ngài nhận hiểu được rằng: sống ở đời giàu nghèo sang hèn đều bị đau khổ, doanh vập áp bức: già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ.

8. TÂM-TRANG CỦA THAI-TỬ SAU KHI TIẾP XÚC VỚI ĐỐI:

Trước thực trạng đau khổ của kiếp người, Ngài bị xúc động mạnh mẽ. Sau khi thấy sự đau

khô của chúng sanh, Ngài luôn luôn tưởng nghĩ đến những nỗi đau dây lăm than của chúng sanh và Ngài luôn luôn trú nghĩ suy tâm phướng-pháp cứu chúng sanh thoát khỏi biên trâm luân khổ. Mặt Ngài thướng hiện về lo buồn cho chúng sanh, Ngài trăm mac, đề tìm phướng-pháp cứu độ chúng sanh thoát khỏi đau khô.

9. CẢNH GIẢI-THOÁT VÀ THÁI-TỬ XUẤT-GIA:

a. Cảnh giải-thoát:

Lần thứ tư ra đạo chời ngoài cửa thành Ngài gặp một vị Sa-môn đáp: "Tôi là người đã thoát khỏi sự đau khô của gia, đau, chết". Thái Tử liền hiểu được rằng, chỉ có phướng-pháp của chúng sanh thoát khỏi bể khổ mệnh mong là phải xuất gia tìm đạo.

b. Thái-Tử xuất-gia:

Một đêm kia, sau buổi yến tiệc linh đình, Ngài thừa lúc mọi người đang ngủ say, lặng lẽ ra khỏi cửa thành. Ngài định thức Bà Da-Du-Đà La ngổ dôi lối tử biệt, những sợ lông nhĩ n ữ hay bịn rịn có thể ngăn trở ý định, Ngài chỉ đành nhìn vợ nhìn con lần cuối cùng, rồi gọi người hầu cận trung-thành là Xa-Nặc, thăng ngựa Kiều-Trắc, hai thầy trò ra đi, quân oanh c ỏ n m ấi ngủ chẳng hay biết gì cả. Ngài ra đi vào ngày trăng tròn tháng hai.

10. KẾT-LUẬN:

Cử-chí của Ngài xuất-gia là cả một gương sáng cho mọi người soi chung. Vì lòng thương chúng sanh, lòng thương nhân-loại. Ngài đã bỏ cung điện giàu sang, giường cao nệm ấm, c a c lương mỹ vị và cả ngôi báu. Cho đến vợ đẹp con yêu, Ngài cũng đành từ giã để đi tìm hạnh-phúc chơn thật cho chúng sanh đang đau khô. Cử chí Ngài ra đi nhắc nhở cho muôn loài biết rằng

hạnh-phúc không thể tìm trong danh vọng tãisắc
và những người, thật thương yêu chúng sanh phải
tìm chơn-lý, để soi sáng cho chúng sanh. Cúchí
của Ngài lúc ra đi là cả một sức mạnh quyếttìm
chân lý: và chơn-lý chỉ đến với những tâm-hồn
cao cả thoát-tục, tràn đầy một lòng vị tha khê
bơ bên.

Hai chuyện tiền thân

1. CẶP MẮT THÁI-TỬ CÂU-NA-LA
2. LÔNG HIẾU CHIM OANH VŨ

I

1. CẶP MẮT THÁI-TỬ CÂU-NA-LA:

Thuở xưa ở Ấn-Độ có một ông vua tên là A
Dục trị dân rất công bình. Hồi còn trẻ t i nh
Ngài hay giận dữ những dân dân Ngài trở nên rất
hiền từ, dịu dàng. Nhờ gương sáng của Ngài như
huân dụ đưa ra, Ngài dạy cho dân tính nhã nhặn
đối với mọi người và lòng bác ái đối với kẻ khê
sở. Ngài lập bệnh-viện để chữa người bị bệnh,
lập công-viện để người và vật có chỗ nghỉ ngơi,
sãi đào giếng để khách bộ hành và vật khê khê
nước, sãi trồng hai bên đường những cây ăn quả
và cây để làm thuốc.

Người con dâu của Ngài có cặp mắt đẹp hiển
tũ như chim "Câu-Na-La", vì thế người ta gọi
chàng là Câu-Na-La. Đức vua rất đời, yêu m ế n
Hoàng-Hậu Liên-Hoa là mẹ của Thái-Tử. Họ ấ ng

Hậu mất sớm nhưng Thái-Tử rất được vua c h a yêu dấu và tin dùng. Lông tử ái, tính di ệ u dăng và khiêm nhường của Ngãi làm nhân dân rất mến yêu và kính trọng. Vợ Ngãi rất dịu dàng bao giờ cũng làm vừa lòng Ngãi, tên nàng là Ma-Da-Vi.

Hoàng-hậu mất, vua A-Dục lấy một người vợ kế, kiêu căng, độc ác tên là Xích-Di. S a u khi nàng sinh được một con, nàng ước ao nó sẽ được nối ngôi thay Câu-Na-La và tuy không để lộ ra một cử-chỉ gì, lòng nàng rất ghét người con ghê.

Nhân khi vua mắc bệnh nặng, các t h á y thuốc đành chịu bó tay, nàng Xích-Di tìm cách chữa khỏi. Vua nghĩ muốn tạ ơn nàng. Nàng xin vua cho nàng được nối ngôi. Thật ế o l e cho nhà vua. Ngãi lấy làm buồn rầu vì không chịu lòng ân-nhân và Ngãi nhắc lại lời hứa với Chánh-hậu lúc lâm chung chỉ truyền ngôi c h o Thái-tử Câu-Na-La mà thôi. Ngãi nói: "Ta có thể bỏ ngôi báu chứ không thể phụ lời hứa được".

Thấy chuyện không thành, Xích-Di xin vua được cầm quyền chánh một ngày mà nàng sẽ định sau. Vua nghe lời và nàng sẽ định nhân dịp ấy mà làm những việc ghê gớm.

Trong nước có một thành gọi là Đắc-X ô Thi-La nổi lên chống với các quan cai-trị của nhà vua. Chính hoàng-hậu Xích-Di cũng d i nh vào việc ấy. Thật thế, trước hết nàng cho các quan tiên rồi báo lấy thuế dân thành ấy thật nặng, sau xúi dân nổi lên làm loạn. Họ ã n g, hậu lại xúi dân nên yêu-cầu vua cho thái t ử Câu-Na-La ra cai-trị thành ấy, lấy cớ rằng chỉ có thái-tử là công bằng mới dẹp loạn được. Các đại-biểu thành Đắc-Xô-Thi-La sang hôm sau đến đề yêu cầu việc ấy, Xích-Di tâu vua cho được tử tiện dưng ấn của Ngãi, là cái ấn dưng, đ ề niêm-phong những sứ-mệnh gọi đi. Thế tức là

nàng nắm được quyền hành trong ngày ấy. Rồi các đại biểu đến. Hoàng-hậu tán thành lời yêu cầu của họ, tâu vua rằng chỉ có hoàng-tử được dân khâm phục và vì thế đưa dân đến chỗ bình an mà không có cuộc bạo-dộng gì. Vua nghe lấy làm bõn bõn vì Ngải nghi hoàng-hậu có manh tâm.

Có gì nguy-hiểm bằng sai thái-tử đến một thành phiên loạn. Thấy vua lo âu, hoàng-hậu giả vờ đau đớn nói rằng: "Nếu nhà vua còn nghi ng ở lòng nằng thì từ nay nàng không nói gì nữa". Nàng giả bộ giận dỗi trả ân lại cho vua vì nàng biết thế nào vua cũng không nỡ thu. Thật thế, vua A-Dục trọng lời hứa không dám lấy ân lại. Thái-tử cũng một mực xin đi, Ngải phải bấn g lòng. Nhưng muốn chắc chắn, Ngải định cho một đội quân đi hộ thân hoàng-tử. Hoàng-tử tước hỏi việc ấy vì Ngải nghi muốn tránh việc đồ m á u, phải hành-dộng rất mau, nếu đi với đạo quân thì mất nhiều thì giờ. Ngải lại nói rằng: "N à o phải thấy guồm giảo như rừng, nghe tiếng ngựa hí, voi gầm, tiếng xe, tiếng trống, tiếng kèn, mà yên nhân tâm được đâu".

Vua không nói gì nữa. Thái-tử từ giả Ngải, từ giả nàng Ma-Đa-Vi rồi một mình cỡi cọn ngựa Mãng-Đa-La phi đi mau như gió. Chẳng có n g ở đầu, sau lưng chẳng có người kỵ-mã đang p h ông nước đại. Đó là một người rất trung-thành với hoàng-hậu, dường mang trong mình một sứ mạng có niềm ẩn kỵ-lương.

Thái-tử cỡi bạch mã đi mau như bay. H a i bên đường lãng mạc núi đồi đồng lúa rừng, xanh như thụt lũi lại. Nhưng cái tên chẳng đến còn nhanh hơn vì nhân gian mong Ngải đến lắm. Họ sửa soạn tiếp chẳng. Kế thì rắc hoa xuống dọc đường, kế thì hái qua dê tiên, đầu đầu cúng nôi dây tiếng hoan hô. Nhân dân xin thái-tử t h a tội vì dân chúng không dám nổi lên chống vua mà chỉ vì bọn tham ó quan lại. Nghe tiếng kêu van Ngải lấy làm thương hại, tha lỗi và đi v ã o

thành giữa tiếng nhạc vang lừng. Thái-tử đặt lại thuê má, cho người công bính ra trị dân và phái đại-biêu về tâu vua tở bụng trung thành và ca tụng Thái-tử đã đưa lại cho họ sự yên ổn.

Thành Đắc-Xô-Thi-La đang vui về thì bỗng chiếu người cỡi ngựa theo Thái-tử vừa đến và giao cho công-chức trong thành một cái Dụ. Mở ra xem ai nấy đều sùng-sốt, sợ hãi vì Dụ rả lệnh "phải móc mắt Thái-tử Câu-Na-La kẻ thù lợi hại của nhà vua và là kẻ đã làm nhờ nhờ nội giống". Đạo Dụ lại nói rằng khi đã là hình phạt ấy rồi, không người dân nào được cứu giúp Thái-tử và cấm không được nói tên N gái nữa.

Các viên chức không dám cho Thái-tử biết đạo Dụ về nhân đạo ấy. Sau một đêm lo ngại, họ nói với nhau rằng: "Nếu ta không tuân lệnh sẽ bị nhiều nguy hiểm. Đền hoàng-tử là người tốt đời dài với tất cả thiên hạ mà nhà vua còn bắt tội nữa là chúng ta".

Ngày mai họ dâng đạo Dụ lên cho Hoàng-tử. Đọc xong, Ngài nói: "Đây là chánh lệnh của nhà vua, vì có niêm ấn rõ ràng. Các người cứ thi hành theo lệnh ấy". Ngài cũng biết rằng vua cha chẳng bao giờ đã ra lệnh hành hình con, đó là do hoàng-hậu nhưng đã có niêm ấn thì phải tuân theo. Dân gian được tin rằng sẽ thi hành mệnh lệnh tại một khoảng đất rộng, giữa thành-phố. Đến giờ đạo phủ được lệnh móc mắt của Thái-tử, nhưng bọn này chỉ cung kính chấp tay xin chịu: "Chúng tôi không ai đủ can đảm làm việc ấy".

Thái-tử tháo chuỗi ngọc mang trên đầu đưa cho đạo phủ nói rằng: "Đây là tiền thưởng cho các người để làm trọn phận sự". Chúng vẫn một mực từ chối. Sau cũng có một người hình thù quái gở, đến xin thay chân bọn đạo phủ nhưng

anh nấy cũng không có gan dùng tay móc m á t. Anh ta đèn đồng lửa lớn nung một thanh sắt d o lên rồi lại gán thái-tử. Thái-tử ngồi tịnh nhiên để cho đâm vào cặp mắt. Cảnh tượng bây giờ rất là đau đớn đến nỗi hàng nghìn người chung quanh đều khóc vang lên.

Hành hình xong, thái-tử một tay chống trên người kia, ra hiệu bảo người chung quanh y ề n lạng. Thái-tử khuyên phải xa Ngài ra, khổ ng được cứu giúp Ngài và kêu tên Ngài, y như trong đạo lệnh. Họ cúi đầu vừa đi vừa khóc, tro n g khi ấy Thái-tử nằm phục xuống đất. Nghe n ả ng dọi nong, Ngài lê đến một chỗ có bóng mát đ ề nghỉ. Lầu lăm chung quanh Ngài yên tĩnh, không một tiếng động bỗng Ngài nghe tiếng chân ngựa dậm gán rồi có những tiếng kêu thảm thiết. Nhận là con ngựa Mang-Đa-La, Ngài nói: "Còn con nũa, con cũng nên bỏ thầy con".

Con ngựa quanh quẩn vài lần rồi đi xa, r a khỏi thành-phố, một mình lui thui trở lại con đường mà nó đã vui vẻ đưa thái-tử đi. Mặt trời lạng. Một vài người động lòng muốn giúp Ngài. Song đã có lệnh cấm, họ đành đứng xa, nhìn nhau lắc đầu. Sau mai một bà lão nghèo đi lại g ần Ngài lấy nước rửa chỗ đau và lấy cỏ băng l a i. Bà đỡ Ngài dậy, dìu ra khỏi cổng làng rồi dành thỏ dãi trở về.

Trong lúc thái-tử đang đau đớn, thì Đạ i biểu thành Đắc-Xô-Thi-La được vua tiếp đãi ân cần. Thấy nói thái-tử được hoan hô tôn trọng, lòng nàng Ma-Đa-Vi cũng bớt lo sợ yí nghe ch ồng nàng phải đi dẹp loạn lòng nàng vẫn ay náy kh ẽ yên.

Mấy ngày sau, sốt ruột, nàng đi đến c h ỗ nàng tử biệt ch ồng. Qua ngày thứ ba, nàng bỗng thấy con ngựa Mang-Đa-La trở về một mình. Một tú-tướng ghé g ồm thoáng qua óc nàng rồi như cây gỗ bị đốn gốc, nàng ngã xuống bất tỉnh.

Tình đây, nàng nghĩ rằng có lẽ chồng nàng đã bị dân nổi lên giết chết. "Sao ta lại không tin chồng ta còn sống? Nếu chưa được tin chắc chắn, sao không đi tìm chồng". Nghĩ vậy, nàng không để mất một phút, trở về cung, trút bỏ đồ trang sức, ăn vận như một người thường dân rồi trốn đi tìm chồng, nàng không dám cho vua biết, sợ vua vì thường mà căm lại chăng.

Nàng lủi thủi đi về phía thành Đắc-Xô-Thị La, ruột đau như cắt. Dọc đường gặp ai nàng cũng hỏi có gặp thái-tử không? Đi ngày này sang ngày khác chẳng được tin gì cả. Một buổi sáng vừa ra khỏi chỗ trú đêm, nàng liền gặp một người nông phu đang gieo mạ. Người ấy nói lúc rạng đông, nhận đi qua cánh rừng nhỏ thấy một người trẻ tuổi mắt mù, mặc áo ra dáng ông hoàng, người nông phu liền cho người mây qua cây hái ẩn trong rừng và một chén nước lá.

Nàng Ma-Đa-Vi liền đến chỗ ấy thì nàng thấy Cầu-La-Na một mình trên viên đá. Nhìn ngạo đôn thấy cặp nhón tuyên của chàng đã tắt hẳn. Nàng khóc nức lên và quỳ trước mặt chàng nghẹn ngào, cầm lấy tay chàng. Nghe nước mắt nhỏ xuống tay, Thái-tử cảm động, đoán là nàng Ma-Đa-Vi nhưng chàng chưa dám tin. Đến khi nghe rõ tiếng nàng không nghe ngó gì cả. Chàng bảo nàng ngồi xuống, trong lúc đang đau khổ ấy được gặp người thân yêu, nói vui mừng khôn xiết. Thái-tử thuật lại cho vợ nghe những chuyện xảy ra. Rồi đó, nàng đỡ chàng đứng dậy, đưa chàng cùng về ra mắt vua cha.

Về phần vua A-Dục từ khi được tin con giữa Mang-Đa-La về một mình và nàng Ma-Đa-Vi đi trốn, Ngài rất lo ngại. Tức khắc sai sứ đến thành Đắc-Xô-Thị-La để hỏi tin thái-tử và tìm nàng Ma-Đa-Vi. Nhân dân trong thành, thấy vua lo ngại cho thái-tử liền hiểu họ bị cái Dụ dã u tiên lừa. Sợ bị nghiêm trị, họ liền tìm cách nói dối sứ giả rằng thái-tử đã một mình về triều.

Dân chúng quanh không dám hé răng vì họ biết rằng nói ra sẽ bị trừng phạt. Sử giả nghĩ dân đã giết thái-tử nhưng không có chứng cứ giành trở về.

Trong khi ấy hai vợ chồng thái-tử cũng dặt nhau về kinh. Bấy giờ thái-tử đã trút bỏ bộ áo quần ông hoàng mã khoác đồ rách rưới vì trong tình cảnh ấy đồ trang sức chỉ làm thêm đau lòng. Đi qua làng hai vợ chồng cất tiếng hát diu dặt trong treo, dân làng động lòng đưa cho đồ ăn uống. Một ngày kia hai người đi đến cung điện nhà vua. Lĩnh canh cửa thấy người lam lũ nên không cho vào. Nhưng thấy cảnh thương hại a o rách bần lấy bụi bặm nên cho vào trú trong chỗ chứa xe. Mỗi một, hai người ngủ thiếp. Ngày hôm sau vua A-Dục còn buồn rầu nghĩ đến con thì Ngài giết mình vì nghe tiếng hát quen tai, đó là tiếng thái-tử hát trong nhà chứa xe. Vua nhận ra tiếng con nhưng còn sợ lắm, Ngài sai ra hỏi ai đang hát. Cận thần tâu rằng đó là tiếng hát của người ăn mày mù đi với một người vợ. Vua liền sai dân cấp vợ chồng kia đến sân rộng. Thoạt đầu thấy người ăn mặc rách rưới, vua còn nghĩ ngờ chưa dám nhận là con nhưng bộ mặt hiền từ phúc hậu kia thật là của thái-tử, còn làm sao được. Hơn nửa đầu nàng Ma-Đa-Viào quân thô kệch cũng còn để nhận, vua đưa mắt nhìn đầu, nhìn con rồi ôm chàng ca nai mách nước nõ.

Một hồi lâu vua mới định thần lại, hỏi thái-tử vì sao mắc nạn. Khi hiểu nguyên do, vua nổi giận nói rằng: "Đứa nào dám dùng ăn c u a Trâm để làm việc tại trời kia?" Thái-tử ngồi im vì chàng không muốn nói, sợ hoàng-hậu bị nghiêm phạt. Hồi mãi, nàng Ma-Đa-Vi mời nhắc lại cho vua hay rằng hoàng-hậu Xiển-Di có được phép dùng riêng ăn vua một ngày. Đã nhiều lần vua nghĩ hoàng-hậu có bụng ác với thái-tử. Vì Ngài nghĩ rằng, hoàng-hậu muốn con được nối ngôi tức là muốn trừ hoàng-tử Câu-Na-La. Tuy

nghĩ vậy Ngài vẫn không dám tin. Nhưng b ả y
giờ sự đã rõ ràng, Ngài cho truyền lệnh v ớ i
hoàng hậu đến.

Về phần hoàng-hậu, từ khi thi-hành được
thủ đoạn, mắt an mắt ngủ, hề chớp mắt là thấy
hiện ra cảnh mắt thái-tử bị nanh hình. Th h ế
rồi vừa tỉnh dậy vừa la. Nàng lo rằng t ớ i
nàng sẽ có ngày tiết-lộ. Nàng tưởng tượng tư
vua chỉ dân, ai cũng nhìn thấu rõ tâm canminh
và nàng càng thêm khắc khoải lo sợ.

Khi có lệnh đòi, nàng đoán biết là việc
bại lộ. Lúc thấy tất các ác t ớ i của mình, h,
nàng hối-hận nhưng không nói ra tiếng nữa chỉ
cúi gằm mặt xuống, đợi lời tuyên án. Thái độ
ấy rõ ràng hơn lời thú tội.

Vua A-Dục nổi giận mắng lớn và tr u y ền
rằng trước khi đưa hoàng-hậu ra máy chém còn
bắt chịu nhiều cực hình đau đớn dã. Thái t ử
tâu xin vua mở lượng tứ bị giảm tội cho nàng.
Nhưng vua vẫn không nghe, thái-tử bèn q u ỷ
xuống nói rằng: "Tâu lại Phụ vương, nào phải
một mình hoàng-hậu phạm tội đâu. Đó chỉ v ớ i
kiếp trước con có làm nhiều tội ác nên nay bị
nghiệp báo thôi. Đã từ lâu con cố nhớ xem lại
kiếp trước con đã tạo nên tội ác gì nhưng mãi
đến tối hôm qua, con mới nhớ rõ..."

Vua ngắt lời: "Như con thì có tội gì?
Con là người tốt nhất trên đời". Thái-Tử cảm
động đáp: "Một người hiền lương cũng chuá h ần
là vô tội, vì nếu kiếp này ăn ở hiền l ả n h
nhưng kiếp trước bạc ác thì ớ phải chịu quả
báo. Tâu phụ-vương, thuở xưa, có một ngư ời
đi săn, một hôm thấy 50 con dê rừng trong núi,
liền dùng lưới bắt hết. Anh ta nghĩ rằng nếu
giết hết thì tiêu thụ làm sao cho hết, chỉ b ỏ
ta móc mắt chúng đi, chúng không tròn được, ta
sẽ lần lượt đưa từng con tới tỉnh mà b ả n.
Nghĩ thế anh ta không ngần ngại đưa tay m ớ c

mắt chúng đi rồi thả vào hang núi để bán dần dần. Người đi săn ấy là tiên kiếp của c o n. Người đi săn ấy làm khổ 50 chúng sanh, ng ấ y nay chính là ngày người ấy trả nợ vậy.

Vua nghe lấy thật cảm động, nhưng c o n phân vân chưa tin, thì thái tử ngồi ngay ng ấ n lại, chấp tay trước ngực mà nói rằng: "Né u lỗi tội nói đúng sự thật thì xin Phật chú n g minh cho và mắt tôi sáng lại". Lỗi nói v ù a dứt, mắt thái-tử bỗng sáng như thường, vua A Dục và nàng Ma-Đa-Vi xiết bao vui mừng.

Vua đẹp giận, ra lệnh ân xá cho nàng Xiêch Di, chỉ buộc nàng phải tìm chỗ yên tĩnh đ ấ s ấ m hối tội lỗi. Vua từ đó ngồi bấu vũng v ấ n g, còn thái-tử được chính thức phong Đ ồ n g-cung đ ế n ổi ngôi sau này và nàng Ma-Đa-Vi sẽ là Hoàng hậu.

§

§ §

2. LÒNG HIẾU CỦA CON CHIM OANH VŨ:

Thuở xưa ở núi Tuyết-Sơn, có một con chim oanh vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ c ó vị điền chủ mỗi cây lúa bên phát nguyện rằng: "Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ấ n dùng". Chim oanh vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bên thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim, loài trùng phá hoại lúa q u ấ a sức, bên nổi giận đặt lưới bắt được chim oanh vũ. Chim oanh vũ thưa vị điền chủ rằng: "Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy lúa của ông, sao ông lại đặt lưới bắt tôi?" Người điền chủ hỏi: "Người lấy lúa làm

(Tiếp theo trang 59)

Mẫu chuyện đạo

1. BÀ GIÀ CÚNG ĐÈN
2. THẦY TỶ-KHEO VỚI CON NGỒNG

1

1. BÀ GIÀ CÚNG ĐÈN:

Một thời Đức Phật ở nước La-Duyệt-Kỳ tại núi Kỳ-Xà-Quật, lúc bấy giờ, vua A-Xà-Thê thỉnh Đức Phật dự lễ trai tăng trong Hoàng cung. Sau khi thọ trai, Đức Phật trở về Tinh xá Kỳ-Hoàn. Vua bèn hỏi Kỳ-Bà rằng: "Ta đã thỉnh Phật thọ trai xong, nay không biết nên làm gì?" Kỳ-Bà nói: "Ngài nên đem rất nhiều đèn để cúng dường Phật". Vua liền sai chõ một trăm thùng dầu về Tinh-Xá Kỳ-Hoàn.

Có một bà già nhà rất nghèo, có tâm chí thành muốn cúng dường Đức Phật mà không có tiền. Bà thấy vua A-Xà-Thê làm công đức như vậy rất lấy làm cảm kích. Bà đi xin được hai tiền, liền đến nhà hàng mua dầu. Chủ hàng hỏi: "Bà rất nghèo túng, xin được hai tiền, sao không mua đồ ăn mà lại mua dầu?" Bà già đáp rằng: "Tôi nghe ở đời gặp Đức Phật rất khó, vạn kiếp mới được một lần. Tôi nay may mắn được sanh đời Phật, mà chưa có dịp cúng dường. Ngay nay tôi thấy vua làm việc đại công đức, tôi tuy

cùng khó, cũng muốn cùng đường ngọn đèn để làm
căn bản cho đời sau". Lúc bấy giờ người chủ
quán cảm phục chí nguyện của bà già, liền dâng
thêm cho 3 tiền thành được 5 tiền dầu. Bấy giờ
trước Đức Phật thấp đèn lên tự nghĩ dầu thấp
không qua nửa đêm, bà phát nguyện rằng: "Nếu
sau này tôi được chứng đạo Vô-thượng như Đức
Phật thời ngọn đèn này sẽ đốt suốt đêm và sáng
tỏ khác thường". Phát nguyện xong bà lễ Phật
rồi về.

Các ngọn đèn của vua cùng đường, có ngọn
tắt, có ngọn dở, tuy có người sẵn sức nhưng
không được chu toàn. Riêng ngọn đèn của bà
lão thì chiếu sáng hơn các ngọn đèn khác, suốt
đêm không tắt, dầu lại không hao.

Trời sáng, Đức Phật bảo Ngài Mục-Kiền-
Liên rằng: "Trời đã sáng, hãy vào tắt những
ngọn đèn". Ngài Mục-Kiền-Liên vâng lời t h ứ
lớp các ngọn đèn, nhưng riêng ngọn đèn của bà
già thì tắt ba lần cũng không được, sau lấy
cái áo cà-sa mà quạt, ngọn đèn lại đỏ rực rõ
hơn. Đức Phật bèn bảo rằng: "Hãy dừng lại,
ngọn đèn ấy là hạo-quang công đức của một vị
Phật tương-lai, không thể lấy thân thông của
người mà trừ diệt được".

Vua A-Xà-Thế nghe nói, liền hỏi Kỳ Bà:
"Ta làm công đức rộng lớn như vậy mà Đức Phật
không thọ ký cho ta thành Phật, còn bà già kia
chỉ thấp một ngọn đèn mà được thọ ký là có làm
sao?" Kỳ-Bà đáp rằng: "Ngài cũng đến t u y
nhiều mà tâm không chuyển nhất, không bằng
được tâm địa thuần thánh của bà kia đời v ớ i
Phật".

(A-Xà-Thế vương thọ quyết Kinh)

2. THẦY TỶ-KHEO VỚI CON NGỒNG:

Có một vị tỷ-kheo đến khất thực tại một nhà kia, được mời vào trong phòng ngồi một mình. Người chủ lên tiếp chuyện, tay có đeo chiếc nhẫn, vô ý đánh rơi mà không biết. Lúc ấy có con ngồng đi ngang nuốt vào bụng. Vị Tỷ-kheo thấy, nhưng không nói gì. Một lát, người chủ mới biết mất chiếc nhẫn bên, lên tiếng tìm hỏi. Vị Tỷ-kheo im lặng không đáp. Người chủ sanh nghi, hỏi dồn, vị Tỷ-kheo vẫn im lặng. Không thể nén nổi tức giận, người chủ mắng chửi và đánh đập những vị Tỷ-kheo vẫn cam chịu không nói một lời gì. Lúc ấy có người nhà, chạy lên thưa với người chủ rằng: "Không biết vì sao con ngồng của nhà, tự nhiên ngã chết ngoài sân kia". Nghe lời nói xong, vị Tỷ-kheo mới thông thả trả lời: "Khi hội tội thầy con ngồng nuốt chiếc nhẫn". Người chủ liền bao người nhà đem mổ bụng con ngồng thì tìm được chiếc nhẫn.

Người chủ hỏi hân liền thưa với vị Tỷ-kheo: "Bạch Thầy, sao khi hỏi Thầy lại không nói ngay cho con biết, để đến nỗi con sanh nghi, xúc phạm đến danh thể của Thầy".

Vị Tỷ-kheo trả lời: "Ông nghĩ cũng phải nhưng nếu tôi nói ngay thì con ngồng sẽ bị ông giết vì lời nói của tôi, việc ấy tôi không bao giờ dám làm cả, đâu có hại đến tánh mạng tôi cũng vậy".

LÒNG HIẾU CỦA CON CHIM OANH VŨ (tiếp theo tr. 56)
gì "Chim Oanh Vũ" đáp: "Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường" vì diên chủ nói rằng "Từ nay về sau người cứ lấy lúa mà dùng, đừng ngại gì cả". Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.
Chim Oanh Vũ là tiền thân Đức Phật Thích Ca. Người diên chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.

Bài sám hồi

"Đề tứ kính lạy, Đức Phật Thích-Ca, Phật A Di-Đà, Thập phương chư Phật, vô thượng Phật Pháp, cùng Thánh-Hiền Tăng. Đề-tứ lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, tham giận kiêu căng, si mê lâm lạc, ngày nay nhờ Phật, biết hết sự lỗi lầm, thành tâm sám hồi, thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành, nuôi trồng ôn Phật, tứ-bi gia hộ, thân không bệnh tật, tâm không phiền não, hàng ngày an vui tu tập, phép Phật nhiệm màu, để mau ra khỏi luân hồi, minh tâm kiến tánh, trí huệ sáng suốt, thân thông tự tại. Đấng cứu độ các bậc tôn-trưởng, cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc, cũng tất cả chúng sanh, đồng thành Phật đạo".

GIẢI-NGHĨA:

I. ĐẠI-Y: Bài này có 3 ý chánh:

1. Xin thú nhận những lỗi mà mình đã làm.
2. Xin nguyện làm các việc lành theo lời Phật dạy.
3. Xin nguyện hồi hướng công đức cho cha mẹ, anh chị em, cũng tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

II. DÀN-BÀI: Bài này có thể chia làm 3 phần:

1. Từ câu "Đề tứ kính lạy..." đến câu "... cùng thánh hiền tăng". Đoạn này đề tứ kính lạy Phật, Pháp, Tăng.
2. Từ câu "Đề tứ lâu đời" đến câu "... thân thông tự tại". Trong đoạn này, đề tứ xin sám-hồi những lỗi lầm đã làm, xin

nguyện làm các việc lành, xin nhờ ơn chú Phật gia-hộ để vãng theo lời Phật dạy.

3. Từ câu "Đấng cứu độ các bậc..." đến hết bài. Trong đoạn này, để từ xin hồi hướng công đức cho cha mẹ, anh em cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

GIẢI-NGHĨA:

Sám-hồi: Sám là xin thú nhận những lỗi đã làm. Hồi là xin nguyện từ nay về sau không phạm các lỗi ấy nữa. Bài này gọi là bài Sám-hồi, chúng ta đối trước Phật, Pháp, Tăng, tỏ bày những lỗi lầm của mình đã phạm từ trước đến nay, rồi xin nguyện từ nay về sau không phạm một lần nữa.

Đệ-tử: Đệ là em, là học trò. Tử là con, là tiếng các Phật-tử xưng đối với Đức Phật. Đức Phật là thầy, mình là học-trò, là con, vì nhờ Đức Phật làm tăng trưởng trí-huệ và phước đức, và vì Đức Phật thương tất cả chúng sanh như con.

Kính lạy: Kính là tôn kính, tôn là trọng, lạy là năm vóc gieo xuống đất. Kính lạy là cử chỉ tỏ lòng cung kính tôn trọng đối với Phật, Pháp, Tăng.

Đức Phật Thích-Ca: Đức Phật là một vị gi' a c ngộ cho mọi loài, cho mình, hai giác hạnh đều hoàn toàn viên mãn. Thích-Ca là Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni làm giáo-chủ ở cõi Ta-Bà. Dịch nghĩa là Năng nhơn tịch mặc: Năng nhơn là có lòng nhơn từ. Tịch là trong sạch không có các tánh xấu, mặc là an tịch không có các phiền não nhiều loạn.

Phật A-Di-Đà: Đức Phật làm giáo-chủ ở cõi Tịnh Độ. A-Di-Đà có nghĩa là Vô lượng thọ, nghĩa là sống lâu không lượng và Vô lượng quang nghĩa là sáng suốt không lượng.

Thập phương chú Phật: Các Đức Phật trong mười phương: nam, đông, tây, bắc, đông-nam, tây

nam, đông-bắc, tây-bắc và phương trên, phủ ồng dưới. Đây chỉ phương nào cũng có rất nhiều Đức Phật, số nhiều như số cát sông Hằng không thể kể được.

Thánh Hiền Tăng: Tăng là chỉ các vị Tăng già xuất gia theo đạo Phật. Thánh-Hiền Tăng d ả y chỉ cho các vị Bồ-Tát, các vị A-La-Hán từ trước đến nay đã tu hành chứng quả.

Lâu đời lâu kiếp: Đời là khoảng thời-gian từ khi sanh đến khi chết. Kiếp, là gồm có n h iều đời. Ý nói, đệ-tứ-trái qua rất nhiều đời, nhiều kiếp về trước.

Nghiệp chướng nặng nề: Nghiệp là sự hành-dộng, có 3 nghiệp là thân nghiệp nghĩa là những hành động về thân, khẩu nghiệp là những lời nói, ý nghiệp là những ý nghĩ tư-tưởng. Chướng là chướng ngại trên con đường chánh đạo, con đường giải-thoát. Những nghiệp làm từ trước đến nay rất nặng nề, làm chướng ngại sự tu học, sự giải thoát của mình.

Tham giận kiêu căng: Đây là 3 tánh xấu, thường có của người. Tham là tham lam, ham muốn như ham tiền, ham ăn... Giận là nóng nảy giận dữ. Kiêu căng là khoe khoang ý mình tài giỏi khinh người.

Si mê lầm lạc: Đây là một tánh xấu nữa: u mê ngu dốt không biết phải trái, nên làm việc sai lạc. Bốn tánh xấu này là tánh xấu cội gốc của con người bao nhiêu tánh xấu khác đều do bốn tánh này mà ra.

Ngay nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm: Ngay hôm nay nhờ Phật chỉ dạy về nên tu biết những điều sai lầm, những tánh xấu.

Thành tâm sám hối: Xin thánh tâm sám hối tất cả những tội lỗi.

Thế tránh điều dữ, nguyện làm việc lành: nghĩa là đứng trước Phật, Pháp, Tăng xin tự hứa chắc

chấn bắt đầu từ nay bỏ tất cả điều cũ n g uyển
làm tất cả điều lành lợi người.

Ngũ, trông ơn Phật từ-bi gia hộ: Nghĩa là
trông mong lòng từ-bi của Đức Phật thương tưởng
ung hộ, giúp đỡ.

Thần không bệnh tật tâm không phiền não: (phiền
não là nung nấu não loạn) nghĩa là trông mong
ơn Phật gia hộ cho thần thể khỏi các bệnh tật,
tâm được an tịnh, khỏi những phiền não làm rối
loạn.

Hằng ngày an vui tu tập: Tu là những tánh xấu,
tập là làm theo những hạnh lành, nghĩa là được
an tịnh vui vẻ, sửa đổi những tánh xấu, t ậ p
làm hạnh lành.

Phép Phật nhiệm mầu: Những phương-pháp Phật
đạy áp dụng theo, sẽ có nhiều kết-quả rất nhiệm
khô lường được.

Minh tâm kiến tánh: Sáng tỏ chơn tâm, thấy rõ
thể tánh, tức là được giải-thoát giác-ngộ như
Đức Phật, sáng suốt thấy rõ tâm tính chơn thật
của mình và của mọi người.

Trí tuệ sáng suốt: Không còn u mê tối tăm, trí
não được sáng suốt, hiểu rõ mọi sự mọi việc.

Thần thông tự tại: Thần thông là những phép
bị mật huyền-diệu, người thường không làm nổi,
chỉ riêng các vị giác-ngộ mới hiểu mới làm
được. Tự tại là tự do tự ý, không bị hoãn cảnh
xung quanh trở ngại, tùy theo ý muốn làm gì
cũng được.

Đảng cứu độ các bậc tôn trưởng, cha mẹ anh em,
thần bằng quyền thuộc cũng tất cả chúng s a nh
đồng thành Phật đạo: (Cứu độ là cứu giúp đút
đầu khổ đến an vui, từ mê lầm đến giác-ngộ. Tôn
trưởng là các vị trưởng lão nhiều tuổi, nhiều
dức đứng đầu trong một họ, một phái. Ch ứ n g
sinh chỉ cho tất cả các loài có sinh mạng, có
sống chết như loài người, loài súc sanh, loài
chủ thiên...) Đây là lời nguyện của một Phật

Châm ngôn và năm điều luật của

Gia Đình Phật Tử

A. CHÂM NGÔN: BI, TRI, DŨNG

BI: Là cho vui, cứu khổ, đem hạnh-phúc đến cho mọi loài, cứu khổ, diệt trừ mọi nỗi thống khổ cho chúng sanh. Đạo Phật là đạo từ-bi, Đức Phật là hiện thân của từ-bi, nên Phật-tử phải làm người thiết hạnh hạnh Từ-Bi, đem vui cứu khổ cho mọi loài. Người Phật-tử cố-gắng không làm đau khổ một ai, dầu là đối với súc vật: Người Phật-tử không than nhiên trước sự đau khổ của muôn loài, Phật-tử phải ra tay cứu giúp. Phật-tử đến đâu cần phải cố-gắng diệt trừ đau khổ, đem hạnh-phúc an vui gieo rải cùng khắp.

TRI: Là hiểu biết sáng suốt, cũng không chấp, nhận chân được sự thật. Đạo Phật là đạo Giác Ngộ. Đức Phật là hiện thân của Giác-Ngộ, nên Phật-tử phải là người thiết hạnh hạnh Trí tuệ, luôn luôn tìm hiểu, hướng tiến đến sự thật. Người Phật-tử không cam tâm chịu đốt, chịu mê mờ. Phật-tử phải tìm hiểu, học hỏi, luôn luôn tìm chơn-lý. Phật-tử khai sáng cho mình, còn có bổn-phận khai sáng cho người, từ mình tìm hiểu để bày vẽ cho mọi người tìm hiểu. Phật-tử học Phật pháp tức là học pháp như Thật để tìm hiểu sự thật, tức là học những phương-pháp sống như thật để hướng tiến đúng mục-dịch như thật.

DŨNG: Là đứng vững, tinh-tấn, không yếu đuối, hèn nhát, luôn luôn quả cảm, không giải

dối, gián-đoạn. Đạo Phật là đạo Hùng Lực. Đức Phật là đấng Đại hùng Đại lực, nên Phật-tử phải là người anh-dũng quả-cảm luôn luôn tiến d ề n giác-ngộ, Giải-thoát của đạo Phật, luôn luôn đem vui cứu khổ cho muôn loài, luôn luôn tìm hiểu học hỏi khai sáng trí huệ cho mình, cho mọi người. Người Phật-tử cố-gắng vượt qua mọi sự thử thách gian lao, miễn cười trước nguy hiểm, tự tại trước thất bại, vững chí cường qu yết dũng tiến trên con đường Đạo.

B. NĂM ĐIỀU LUẬT CỦA GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ:

1. Phật-tử quy-y Phật, Pháp, Tăng và giữ giới đã phát nguyện.
2. Phật-tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự Sống.
3. Phật-tử trau dồi trí huệ, tôn trọng sự Thật.
4. Phật-tử trong sạch từ thể-chất đến tinh-thần, từ lời nói đến việc làm.
5. Phật-tử sống hỷ-xả để d ễ dàng tiến trên đường Đạo.

Phật-tử quy-y Phật, Pháp, Tăng: Là tôn Phật, Pháp, Tăng làm thầy, trọn đời quy ngưỡng ý chí Phật, Pháp, Tăng, không theo Thượng-Đế, tà sư, không theo ngoại đạo tà giáo, không theo b ạn đảng độc ác, lời nói, ý nghĩ, việc làm d ễ u hướng về Phật.

Giữ giới đã phát nguyện: Giới, là những giới luật của Đức Phật chế như 5 giới của người tại gia. Trong 5 giới ấy, tùy nguyện tùy sức d ễ a thọ lãnh giới nào, thối triệt để giữ giới ấy, không lúc nào trái phạm. Nếu trái phạm th ối phải làm lễ sám hối rồi cầu xin giữ lại.

Phật-tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự Sống:
Phật-tử thiết hạnh hạnh Từ-Bi, mở rộng lòng thương cùng khắp mọi người, mọi loài và tôn trọng sự sống của tất cả sinh vật. Phật-tử không thương riêng thân mình, riêng gia-dình của mình, mà phải mở rộng lòng thương cùng khắp mọi người, mọi gia-dình. Phật-tử không thương riêng loài người mà còn thương yêu các loài sinh vật nữa. Phật-tử tôn-trọng sự sống nghĩa là không giết hại mạng sống của bất cứ sinh vật nào, mà còn phải bảo tồn tôn trọng tất cả sự sống, dầu là sự sống của những sinh vật nhỏ nhiệm. Phật-tử giữ giới không sát hại và ăn chay cũng là giữ điều luật này.

Phật-tử trau dồi trí huệ tôn trọng sự Thật:
Phật-tử thiết hạnh hạnh trí huệ bằng cách phát chiều trí huệ và tôn trọng sự Thật. Phật-tử dùng trí huệ để tìm hiểu học hỏi, dùng lý trí để xét đoán, không mê-tín dị-doan. Đối với các học thuyết, Phật-tử lấy con mắt trạch pháp tìm hiểu, nếu phải thì công-nhận, nếu trái thì khăng-tin theo. Đối với Phật Pháp, Phật-tử hết sức tìm hiểu chơn nghĩa của Phật, dùng lý-trí phân-tích, thiết nghiệm, tìm hiểu để thực-hành, để sống như lời Phật dạy vì Phật-tử nhận rõ rằng chỉ có sự thiết hạnh mới phát sinh trí tuệ con người. Phật-tử tôn trọng sự Thật nghĩa là biết phụng sự lẽ phải và sự Thật. Phật-tử sẽ không nói láo vì nói láo là nói lời trái với sự Thật. Phật-tử không xuyên tạc sự thật để mua cầu danh lợi hay để bênh-vực lòng tự-ái của mình.

Phật-tử trong sạch từ thể-chất đến tinh-thần
lời nói đến việc làm: Phật-tử thiết hạnh hạnh Thanh-tĩnh, hạnh hoa sen trong trắng, giữ gìn thân thể, lời nói, ý nghĩa, việc làm cho tinh sạch trong trắng. Phật-tử giữ y phục, thân thể sạch vở, nhà cửa sạch sẽ. Phật-tử chỉ nói lời chơn trực họa giải, như thật, như hoa. Phật-tử không nghi, không làm các điều ác, chỉ nghĩ, chỉ làm các điều thiện có lợi mình cả lợi người.

Phật-tử sống hy-xã để đứng tiến trên đường đạo: Phật-tử thiết hạnh hạnh Hy-xã và Tinh-tần. Phật-tử sống hy-xã là luôn luôn hoan hỷ vui vẻ, dầu gặp những nghịch cảnh, trở lực. Phật-tử vui vẻ hy-sinh để giúp đỡ cứu khổ cho mọi người mọi loài, không để tâm ganh ghét thù hận một ai. Phật-tử tinh-tần trên đường đạo, không dừng nghỉ không thôi thát. Phấn làm việc gì thì làm đến kỳ cùng, cho đến khi thành tựu mới thôi. Dầu gặp thất bại, Phật-tử không có quyền thôi thát, đành chịu rút lui. Dầu gặp nghịch cảnh trở lực, Phật-tử phải luôn luôn gắng sức. Khi nào mục đích chưa thành tựu mỹ mãn, người Phật-tử vẫn phải hoan hỷ, xả bỏ tất cả, để đứng tiến trên đường Đạo sáng.

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian qua chùa Viên Giác đã nhận được những tạp chí, sách báo của các Tổ Chức cũng như những Hội Đoàn khắp nơi trên thế-giới cũng như sự ủng hộ định kỳ và bất thường của chư Phật Tử mười phương về việc thuê mượn ngôi Niệm Phật Đường trong hiện-tại. Xin hồi hướng công đức của chư liệt vị được phước báu trang nghiêm, đạo tâm kiên cố để luôn luôn đứng tiến trên con đường phát huy tinh thần Dân Tộc cũng như Đạo Pháp tại xứ người.

NAM MÔ THƯỜNG TINH TÂN BỒ TÁT MA HA TÁT .

HỘI MỤC DỊCH

G.Đ.P.T.

và HUY HIỆU HOA SEN

A. MỤC-DỊCH CỦA GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ:

Mục-dịch của gia-đình Phật-tử là đào tạo những Phật-tử chơn chánh và cải tạo đời sống theo chơn tinh-thần Phật-Giáo.

Một Phật-tử chơn chánh là một Phật tử quy y Phật, Pháp, Tăng, giữ giới, đã phát nguyện và thật hành năm hạnh Tinh-tấn, Hy-xã, Thanh-tịnh, Trí-huệ và Tử-bi.

1. Phật-tử quy-y Phật, Pháp, Tăng là tôn Phật, Pháp, Tăng làm Thầy, trọn đời quy ngưỡng, y chỉ Phật, Pháp, Tăng, không theo Thượng Đế tà sư, ngoại đạo tà giáo, không theo bần đảng độc ác.

2. Giữ giới đã phát nguyện - Giới là những giới luật của Đức Phật chế, như năm giới của người tại gia. Trong năm giới ấy tùy ngu yện tùy sức đã thọ lãnh giới nào thì triệt để giữ giới ấy, không lúc nào phạm. Nếu có trái phạm, thì phải làm lễ sám-hồi rồi cầu xin giữ lại.

3. Sống theo năm hạnh - Tinh-tấn, Hy-xã, Thanh-tịnh, Trí-huệ và Tử-bi.

Tinh-tấn nghĩa là luôn luôn tiến trên con đường trong sạch tinh thuần, trên con đường hướng đến mục-dịch của Đoàn, trên con đường Đạo. Tượng-trưng hạnh Tinh-tấn là Đức

Phật Thích-Ca Mâu-Ni, hy-sinh gia-dinh, ng ôi bầu, vợ con, danh lợi, dể dần thân trên đường đạo, tu khổ hạnh trong sáu năm, ngồi thu y ên định, 49 ngày, rồi sau khi thành Đạo, lại d i thuyết-pháp giáo hoá hơn 49 năm, cứu toàn thê chúng sanh thoát khỏi mọi điều thống khổ.

Một thiếu niên, thiếu nữ sống theo hạnh Tinh-tần thực hành các hạnh Hỷ-xả, Thanh-tịnh, Trí-huệ và Từ-bi. Trái với hạnh Tinh-Tần là biếng nhác trên đường Đạo, trong bốn-phận của mình.

Hỷ-xả là luôn luôn vui về hoan hỷ, lấmmọi người, mọi loài vui về hoan hỷ, sống phóng xả hy-sinh.

- Gặp việc buồn, dữ, hoặc bệnh tật, khôn g than khóc, quá lo buồn, sợ hãi.

- Thấy người làm việc lành, hoặc được người khen thì vui về, tán thưởng không ganh gh ết tức bực.

- Thấy người gặp việc buồn khổ thì khuy ên giải.

- Gặp người xúc phạm, không tức giận, máng nhiếc, đánh đập. Trái lại dung lời từ h ò a giảng dụ giải-thích, nếu không được thì nhàn nhin.

- Biết hy-sinh cho mọi người, mọi loài.

Hỷ-xả không có nghĩa là vui về, trể trung, cười nói ồn ào. Hỷ-xả là hạnh của một tâm hồn trong sạch, yêu đời, thương mọi loài, di ễ m tịnh và biết hy-sinh. Một thiếu niên, thiếu nữ sống theo hạnh Hỷ-xả là có một gương m ặt t tuổi trẻ, một cặp mắt trong sáng, một nụ cười hiền hòa và trong tự thân tỏa ra một sức mạnh khiến mọi người hoan hỷ hy-sinh theo m i n h. Tượng-trưng hạnh Hỷ-xả là Đức Phật Di-lặc, một Đức Phật có một lòng thương rộng lớn cao c ả, một gương mặt luôn luôn tươi cười.

- Thanh tịnh nghĩa là trong sạch trong thân thể, trong sạch lời nói, ý nghĩ, việc làm và sống một cuộc đời giản-dị thanh bạch.

- Trong sạch trong thân thể là thân hình sạch sẽ, tóc chải tử tế, áo quần chỉnh tề, bao giờ cũng vậy.

- Trong sạch trong lời nói là không nói lời giả dối, độc ác, thêu dệt, chửi chưởi, nói hai lưỡi. Chỉ nói lời thành thật, tử hoà, giản dị và chính trực.

- Trong sạch trong ý nghĩ là các tánh tham, sân, si, tu-tướng trong sạch chân chính.

- Trong sạch trong việc làm là cứ-chỉ việc làm chân chính.

- Sống giản-dị là sống thanh-bạch giản dị, đạm bạc, không xa hoa, phù phiếm.

Một thiếu niên, thiếu nữ sống theo hạnh Thanh-tịnh là thân thể áo quần luôn luôn sạch sẽ, chỉnh tề, lời nói, ý nghĩ, việc làm luôn luôn trong sạch và sống cuộc đời giản dị thanh bạch.

Tượng-trưng hạnh Thanh-tịnh là Đức Phật A Di-Đà, một Đức Phật có hào quang vô lượng, hai quả đức do nhơn hạnh hoàn toàn thanh tịnh và cảnh giới của Đức Phật A-Di-Đà hóa độ chúng sanh là cảnh Tịnh-Độ, một cõi hoàn toàn trong sạch đẹp đẽ.

Trí-huệ là hiểu biết đúng đắn, cũng khắp tất cả. Hiểu biết đúng đắn là sự thật cảnh vật như thế nào, thì hiểu đúng như vậy không sai lầm. Hiểu biết cũng khắp là hiểu biết rộng rãi. Một thiếu niên, thiếu nữ sống theo hạnh Trí-huệ là phải học hiểu nhưng điều phải học đúng theo chương trình, phải học hiểu Phật-Pháp đúng theo thứ bậc của mình. Tượng-trưng hạnh Trí-huệ là Đức Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát, một vị Bồ-Tát có trí huệ bậc nhất, tiêu biểu cho trí căn bản

và thường thay thế Đức Phật khai sáng trí huệ cho mọi loài.

Tứ-bi là đem vui cứu khổ cho mọi loài. Đem vui là gieo sự vui về như người ưa đọc sách đem sách tặng khiến cho vui về hoặc dùng lời nói hoá nhà giảng dạy khiến cho vui về.

Cứu khổ, là trừ những nỗi đau khổ cho mọi loài, như đối với người khổ vì bệnh thì cho thuốc cứu chữa cho hết khổ, người khổ vì đói khát thì bố thí các món ăn uống cho hết khổ. Một thiếu niên, thiếu nữ sống theo hạnh Tứ-bi, là luôn luôn cứu giúp mọi loài, mọi người sống hạnh-phúc. Tượng-trưng hạnh Tứ-bi là Đức Quan Thế-Âm Bồ-Tát, một vị Bồ-Tát hiện thân cứu khổ cứu nạn cho mọi loài, luôn luôn thương tưởng cứu giúp cho tất cả chúng sanh.

B. CẢI TẠO ĐỜI SỐNG THEO CHƠN TINH-THÂN ĐẠO PHẬT:

Đã sống theo Đạo Phật, Phật-tử có trách nhiệm cải hoá đời của mình, của người thân, bạn bè chung quanh mình cũng sống theo tinh thần Bi, Trí-Dũng của Đạo Phật. Mọi Phật-tử phải là một năng lực cải-tạo, một sức mạnh cảm hóa, chuyên đời mọi hoàn cảnh mọi người, mọi loài trong tất cả thời, khắp tất cả chỗ.

C. HUY HIỆU HOA SEN:

Huy hiệu của gia-dình Phật-tử là dấu hiệu tròn. Hoa sen trắng tám cánh trên nền màu xanh lá mạ.

1. Hình tròn tượng trưng cho Đạo Phật viên dung, hoàn toàn vô ngại.
2. Sen trắng tượng-trưng cho ánh-sáng của Trí-huệ hoàn toàn (giác-ngộ) và ánh-sáng của hạnh Thanh-tịnh hoàn toàn (giải-thoát).

3. Tám cánh sen chỉ rõ mục-dịch của Gia Đình Phật-Tử. Năm cánh trên chỉ c h o hạnh Tinh-tân (cánh giữa), Hy-xã, Thanh tịnh (2 cánh bên trái, bên mặt c a n h giữa ở ngoài ngo vào), Tri-huệ và Tù-bi (bên trái cánh Hy-xã, bên phải c a n h Thanh-tịnh), 3 cánh dưới chỉ cho Phật (cánh giữa), Pháp (cánh phía trái ở ngoài ngo vào) và Tăng (cánh phía mặt).
4. Màu xanh là màu tượng-lai, màu hy-vọng, màu của Thanh Thiếu Nhi Phật-Tử.

NHÂN TIN

Nguyễn Thành Quốc con ông Nguyễn Thành Long trước ở "Deutlenen Stuttgart, nay ở đây xin liên lạc cho Nguyễn Văn Nam Aikogakuken , 186, Katayanagi, Ohmiya-Shi, Saitamaken 330 , Japan. Tel 0486-83-4831.

TÌM NGƯỜI

Tiệm ăn Việt Nam ở miền Nam nước Đức cần 1 bếp chính, 1 bếp phụ, lo chỗ ăn ở. Xin liên-lạc về địa chỉ:

Bà Nguyễn

Schrobenhausenerstr.36, 8000 München 21

Tel. ban ngày 089-576430

ban tối 089-4481976

Biết bao giờ...

Lạy Phật trên đài cao chói sáng
Con u mê quở quạng giữa đêm dài,
muốn tin hành sao vẫn thấy xa xôi,
muốn đạo hạnh sao vẫn hoài tội lỗi!

Đã bao phen con dặn lòng sám hối
Nhưng oan khiến rêu gọi, nẻo luân hồi
Mạnh áo trần xơ xác giữa phong lôi
muốn về bám góc cà sa của Phật.

Lại trôi dạt về biển đời vô vấp
Ngỡ ngác nhìn con chẳng biết về đâu!
Đêm năm mở còn rục rờ công hầu,
Ngày chợt tỉnh lại chán chường cõi thế.

Những ác mộng giăng màn che trí tuệ
Nhưng tai ương muốn lay đổ niềm tin,
Con yếu mềm chùng lạc bước chông chênh
Nhớ ánh Đạo dật điếu bao giờ tối.

Đã nhiều phen con muốn lià hệ lụy
Nhưng sao lòng còn quân quit giây oan,
Tĩnh ái giăng tơ, cóm áo buộc ràng,
Càng vùng vẫy thân lại càng vướng víu!

Lạy Phật trên đài cao huyền diệu !
Con lạc loài giữa muôn nẻo trầm luân,
Muốn thanh cao sao vẫn thấy yếu hèn,
Muốn giải thoát sao vẫn hoài chìm đắm!

Một ngày qua là một ngày buồn thảm:
Bóng Phật xa với như áng mây cao...

Trinh Walenstätter

Rapallo-Italia

TIN TỨC

6-8.6.80: Để góp phần trong đêm văn nghệ Đại Lễ Phật Đản 2524 năm do chùa Khánh Anh tại Paris tổ chức, Ban Văn Nghệ Hội Sinh Viên và Kiều Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức đã đến Paris trong những ngày trên và đã cùng góp sức với Gia Đình Phật Tử Quảng Đức thuộc chùa Khánh Anh trong những điệu vũ, đờn, ca... Điều này đã nói lên được sự lớn mạnh của các tổ chức và sự đoàn kết làm việc trong tinh thần vô úy của Phật Giáo.

28-29.6.80: Theo lời mời của Hội Người Việt tỵ nạn cộng sản tại Hòa Lan, Ban Văn Nghệ Hội SV và KB Phật Tử VN tại Tây Đức cũng đã đến Hòa Lan trong những ngày trên để tham gia và đóng góp trong đêm văn nghệ các điệu vũ dân tộc cũng như những nhạc khúc hòa tấu trong tinh tú dân tộc.

Để góp phần cầu nguyện cho những người qua cố Việt Nam tại Tây Đức trong thời gian qua các vị Đại Đức trong Chi Bộ GHPGVNTN TD đã đến Frankfurt, Aachen, Wuppertal, Münster, Schöneck, Hamburg làm lễ tống linh, tuần thất và cầu nguyện cho những người thất lạc trên được đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Bắt đầu từ ngày 1-26.8.80 Đại Đức Chi Bộ Trưởng đã đến viếng thăm, làm lễ cầu nguyện và thuyết pháp cho đồng bào Phật Tử VN tại Tây Đức ở những địa phương sau: Ulm, Alfeld, Mainburg, München, Göppingen, Aalen, Bad Buchau, Würzburg, Rotthe nburg, Mürerstadt, Schöneck, Frankfurt, Koblenz, Bassenheim, Bonn, Aachen, Mönchengladbach, Neuss, Hagen, Geortmarienhütte, lingen, Berlin, Hamburg..

Theo lời mời của VN Büro tại Bonn, ngày 16 và 17.8.80 Chi Bộ cũng như Đại Diện Hội SV & KB PT, UBTDNQ của người Việt tại CHLBĐ cùng Liên-Vùng Tây Đức đã về Bonn họp và bàn thảo với VN Büro cũng như những Hội đoàn khác về trung tâm văn hoá VN trong tương lai.



Auf dem hannoverschen Messegelände feierten am Pfingstsonntag etwa 1000 Vietnamesen das Vesakfest, den 2524. Geburtstag Buddhas. Um von allen Teilnehmern gehört zu werden, benutzte Reverend Thich Nhu Dien beim Gebet ein Megaphon. ap

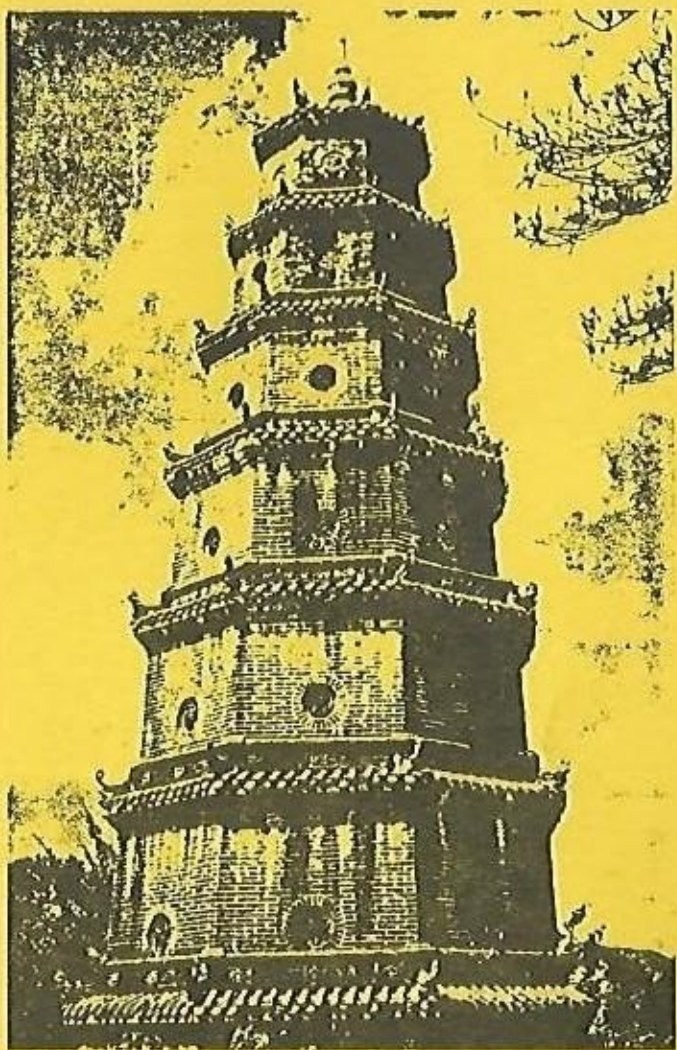
Đại lễ Phật đản





Phật Giáo Việt Nam





MỤC LỤC

	trang
Trong số này	
Lời Dấu.....Ban Biên Tập	
Hiển tượng tư' sanh.....01	01
Thiền Học.....08	08
Vườn thơ Đạo Lý.....21	21
Những con tâm đồ.....28	28
Phóng sự Đại Lễ Phật Đản.....37	37
Ảnh trắng bên cõn.....40	40
Trang Giáo lý Gia Đình Phật Tử.....41	41
Lịch sử Đức Phật Thích Ca.....44	44
Hại chuyện tiền thân.....48	48
Mẫu chuyện đạo.....57	57
Bài Sám Hối.....60	60
Châm ngôn và năm điều luật của GDPT.....64	64
Hiệu mục đích Gia Đình Phật Tử.....68	68
Biết bao giờ.....73	73
Tin tức.....74	74
Hình ảnh Đại Lễ Phật Đản 2524.....75	75

+ + + + +

Chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ ba trong mỗi tháng tại chùa có cử hành lễ cầu an, cầu siêu, Pháp Hoa, Giáo Lý v.v. Vậy yêu cầu Quý Phật Tử cũng như Quý Đạo hữu năng về chùa để lễ Phật, và thỉnh pháp vấn kinh. Tại chùa cũng cho thỉnh những pháp bảo như: Kinh Nhật Tụng, Kinh Vu Lan, Bạch Y Thần chú, cũng như những ảnh Phật v.v... Mọi chi tiết xin liên lạc chùa Viên Giác Kestnerstr. 37, 3000 Hannover 1. Tel. 0511-812891. Mọi sự cúng dường Quý vị có thể gửi thẳng về chùa hay qua ngân hàng Deutsche Bank Hannover 8650228 Bankleitzahl 25070070 (Thích Như Điển).